
PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015
về quản lý chất thải nguy hại**

(Tiếp theo Công báo số 953 + 954)

Phụ lục 2

YÊU CẦU KỸ THUẬT, QUY TRÌNH QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

*(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH

1. Bao bì CTNH

1.1. Bao bì CTNH (vỏ cứng hoặc vỏ mềm) bảo đảm lưu giữ an toàn CTNH, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ.

1.2. Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc bay hơi.

1.3. Chất thải lỏng, bùn thải dạng nhão hoặc chất thải có các thành phần nguy hại dễ bay hơi phải chứa trong bao bì cứng không vượt quá 90% dung tích hoặc mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của bao bì là 10 (mười) cm.

2. Thiết bị lưu chứa CTNH

2.1. Thiết bị lưu chứa (có vỏ cứng với cỡ lớn hơn các bao bì thông thường, như các bồn, bể, công ten nơ...) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

2.1.1. Bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

2.1.2. Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

2.1.3. Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa (sau đây viết tắt là TCVN 6707:2009) với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp, xả, biện pháp kiểm soát nắp đậy tràn để bảo đảm mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thiết bị lưu chứa 10 (mười) cm.

2.3. Trường hợp thiết bị lưu chứa CTNH không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đậy kín nhưng phải có mái hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa khác và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong.

2.4. Thiết bị lưu chứa CTNH có dung tích từ 02 (hai) m³ trở lên và đáp ứng các quy định tại Mục này được đặt ngoài trời nhưng phải đảm bảo kín khít, không bị nước mưa lọt vào.

2.5. Trường hợp lưu chứa loại hoặc nhóm CTNH có khả năng phản ứng hóa học với nhau trong cùng thiết bị lưu chứa thì phải có biện pháp cách ly bảo đảm loại hoặc nhóm CTNH không tiếp xúc với nhau trong quá trình lưu chứa.

3. Khu vực lưu giữ CTNH

3.1. Khu vực lưu giữ CTNH (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

3.1.1. Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

3.1.2. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH với dung tích lớn hơn 02 (hai) m³ thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

3.1.3. Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

3.1.4. Khu lưu giữ CTNH phải được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

3.2. Khu vực lưu giữ CTNH dễ cháy, nổ bảo đảm khoảng cách không dưới 10 (mười) m với lò hơi và các thiết bị đốt khác.

3.3. Chất thải lỏng có PCB, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc đối tượng quản lý của Công ước Stockholm và các thành phần nguy hại hữu cơ halogen khác (vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH) phải được chứa trong các bao bì cứng hoặc thiết bị lưu chứa đặt trên các tấm nâng và không xếp chồng lên nhau.

3.4. Khu vực lưu giữ CTNH phải được trang bị như sau:

3.4.1. Thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

3.4.2. Vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

3.4.3. Biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.

3.4.4. Đối với các cơ sở y tế thì khu vực lưu chứa phải đáp ứng các quy định về quản lý chất thải y tế.

4. Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH

4.1. Việc tự sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH phù hợp với nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc chứng nhận đầu tư (trừ trường hợp các cơ sở không thuộc đối tượng áp dụng của Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư).

4.2. Việc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH chỉ được thực hiện bằng công nghệ, thiết bị sản xuất sẵn có hoặc công trình bảo vệ môi trường trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH; phải bảo đảm đạt QCKTMT hiện hành và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý tương tự quy định tại Mục 5, Mục 6 Phụ lục 2 (B) ban hành kèm theo Thông tư này; không được đầu tư mới lò đốt, bãi chôn lấp CTNH để tự xử lý CTNH kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4.3. Việc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH bằng các công nghệ, thiết bị sản xuất hoặc công trình bảo vệ môi trường trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH phải phù hợp với báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương). Trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) thì phải trình phương án và được sự chấp thuận của các cơ quan sau:

4.3.1. Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3.2. Các cơ quan đã phê duyệt báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) đối với các trường hợp không thuộc đối tượng quy định tại Điểm 4.3.1, Mục 4, Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư này.

4.4. Việc kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo ĐTM (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương) đối với cơ sở tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH được thực hiện như sau:

4.4.1. Trường hợp việc kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc được ủy quyền) thì được tích hợp với thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

4.4.2. Trường hợp việc kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ, cơ quan ngang Bộ khác thì phải được kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường trước khi cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

4.5. Phải đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trước khi thực hiện việc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH, bao gồm cả các đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư này.

5. Các quy định khác

5.1. Các hệ thống, phương tiện, thiết bị cho việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tự xử lý (kể cả tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng) CTNH đáp ứng được các quy định tại Phụ lục 2 (A) này được phép sử dụng để quản lý các chất thải thông thường nhưng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải thông thường.

5.2. Ngoài các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 2 (A) này, các hệ thống, phương tiện, thiết bị cho việc lưu giữ và tự xử lý CTNH trong cơ sở y tế phải tuân thủ theo quy định về quản lý chất thải y tế. Cơ sở y tế thực hiện xử lý CTNH theo mô hình cụm áp dụng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý tương tự như chủ nguồn thải tự xử lý CTNH và tuân thủ các quy định về quản lý chất thải y tế, nội dung của kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

5.3. Trường hợp có QCKTMT riêng đối với từng phương tiện, thiết bị cho việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và tự xử lý CTNH thì áp dụng theo QCKTMT đó.

B. Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ xử lý CTNH

1. Bao bì CTNH

1.1. Bao bì CTNH (vỏ cứng hoặc vỏ mềm) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

1.1.1. Toàn bộ vỏ bao bì có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, rò rỉ, đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí nắp, xả chất thải; bao bì mềm có ít nhất 02 lớp vỏ.

1.1.2. Chịu được va chạm, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng thông thường.

1.1.3. Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc bay hơi ra ngoài.

1.1.4. Chất thải lỏng, bùn thải dạng nhão hoặc chất thải có các thành phần nguy hại dễ bay hơi phải chứa trong bao bì cứng không vượt quá 90% dung tích hoặc mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của bao bì là 10 (mười) cm.

1.2. Trước khi vận chuyển, bao bì phải được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin sau: Tên và mã CTNH, tên và địa chỉ nơi phát sinh CTNH, ngày bắt đầu được đóng gói; dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 05 (năm) cm mỗi chiều. Trường hợp chỉ vận chuyển một loại CTNH, không bắt buộc dán nhãn riêng cho từng bao bì mà dán nhãn chung cho một chuyến vận chuyển.

2. Thiết bị lưu chứa CTNH

2.1. Các thiết bị lưu chứa (có vỏ cứng với cỡ lớn hơn các bao bì thông thường, như các bồn, bể, công ten nơ...) để bảo quản CTNH phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

2.1.1. Vỏ có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

2.1.2. Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

2.1.3. Có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

2.2. Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp, xả, biện pháp kiểm soát nạp đầy tràn để bảo đảm mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thiết bị lưu chứa 10 (mười) cm.

2.3. Trường hợp thiết bị lưu chứa CTNH không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đậy kín nhưng phải có mái hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa khác và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong.

3. Khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển CTNH

3.1. Khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển CTNH phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

3.1.1. Có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

3.1.2. Có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với CTNH; sàn có đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng CTNH cao nhất theo tính toán; tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy.

3.1.3. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH bằng vật liệu không cháy, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH với dung tích lớn hơn 05 (năm) m³ thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

3.1.4. Có phân chia các ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau bằng vách không cháy cao hơn chiều cao xếp CTNH.

3.2. Khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển nếu xây dựng theo dạng nhà kho thì phải đáp ứng Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4317:86 - Nhà kho - Nguyên tắc cơ bản thiết kế hoặc tiêu chuẩn quốc tế tương đương hoặc cao hơn.

3.3. Khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển CTNH ở thể lỏng phải có tường, đê, hoặc gờ bao quanh toàn bộ hoặc từng phần của khu vực hoặc một biện pháp cách ly thứ cấp khác để dự phòng CTNH phát tán ra ngoài môi trường trong trường hợp có sự cố; có rãnh thu về một hố ga thấp hơn sàn để bảo đảm không chảy tràn ra bên ngoài.

3.4. Khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển CTNH dễ cháy, nổ bảo đảm khoảng cách không dưới 10 (mười) m với lò đốt, lò hơi và các thiết bị đốt khác.

3.5. CTNH đóng gói trong bao bì phải được xếp không cao quá 300 (ba trăm) cm, chừa lối đi chính thẳng hàng và rộng ít nhất 150 (một trăm năm mươi) cm. CTNH ký âm phải xếp trên bục hoặc tấm nâng cao ít nhất 30 (ba mươi) cm. Sử dụng thiết bị nâng và có biện pháp chằng buộc tránh đổ, rơi khi xếp chồng các bao bì ở độ cao hơn 150 (một trăm năm mươi) cm.

3.6. Chất thải lỏng có PCB, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc đối tượng quản lý của Công ước Stockholm và các thành phần nguy hại hữu cơ halogen khác (vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH) phải được chứa trong các bao bì cứng hoặc thiết bị lưu chứa đặt trên các tấm nâng và không xếp chồng lên nhau.

3.7. Khu vực lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm phải trang bị hệ thống bảo quản lạnh.

3.8. Khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển CTNH phải được trang bị như sau:

3.8.1. Thiết bị phòng cháy chữa cháy (ít nhất bao gồm bình bột chữa cháy, cát để dập lửa) theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

3.8.2. Vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

3.8.3. Hộp sơ cứu vết thương; bình chứa dung dịch soda gia dụng để trung hòa khẩn cấp vết bỏng axit trong trường hợp lưu giữ chất thải có tính axit.

3.8.4. Thiết bị xếp dỡ (thủ công hoặc cơ giới).

3.8.5. Thiết bị thông tin liên lạc (điện thoại cố định hoặc bộ đàm).

3.8.6. Thiết bị báo động (như còi, keng, loa).

3.8.7. Trong từng ô hoặc bộ phận của khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển và trên từng thiết bị lưu chứa phải có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều; vật liệu và mực của dấu hiệu và các dòng chữ nêu trên không bị mờ hoặc phai màu.

3.8.8. Sơ đồ thoát hiểm, ký hiệu hướng dẫn thoát hiểm (ký hiệu exit hoặc ký hiệu chỉ lối thoát) đặt ở các điểm đầu mỗi của lối đi.

3.8.9. Các bảng hướng dẫn rút gọn về quy trình vận hành an toàn khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển, quy trình ứng phó sự cố (kèm theo danh sách điện thoại của các cơ quan quản lý môi trường, công an, cấp cứu, cứu hỏa tại địa phương), nội quy về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe (kèm theo yêu cầu sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân); có kích thước và ở vị trí bảo đảm thuận tiện quan sát đối với người vận hành, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ.

4. Phương tiện vận chuyển CTNH

4.1. Các phương tiện vận chuyển CTNH phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tương tự các phương tiện vận chuyển hàng hóa cùng loại theo quy định của pháp luật.

4.2. Thiết bị lưu chứa CTNH lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2 Phụ lục 2 (B) này.

4.3. Yêu cầu đặc thù cho một số loại phương tiện vận chuyển CTNH như sau:

4.3.1. Xe tải thùng lắp cố định có lắp đặt thùng hoặc hộp thu chất lỏng dự phòng bên dưới đáy thùng.

4.3.2. Công ten nơ hoặc thùng có thể tháo rời phải được bắt chặt vào xe tải trước khi hoạt động.

4.3.3. Xe tải thùng hở phải được phủ bạt kín che nắng, mưa sau khi chứa CTNH.

4.3.4. Xe tải bồn (hay còn gọi là xe xitéc) và khoang chứa tàu thủy đối với CTNH ở thể lỏng phải có biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp, xả, biện pháp kiểm soát nạp đầy tràn để bảo đảm mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của bồn hoặc khoang chứa là 10 (mười) cm; xe tải bồn phải đáp ứng quy định tại Văn bản Kỹ thuật đo lường Việt Nam ĐLVN 04:1998 về Xitéc ô tô - Yêu cầu kỹ thuật.

4.3.5. Xe tải ben (có thùng có thể vận hành nghiêng để đổ hàng xuống) có phủ bạt kín che nắng, mưa sau khi chứa CTNH và chỉ được sử dụng cho một số trường hợp đặc biệt theo hướng dẫn của Tổng cục Môi trường.

4.3.6. Xe mô tô, xe gắn máy phải có thùng chứa và được gắn chặt trên giá đỡ hàng (phía sau vị trí ngồi lái) của xe mô tô, xe gắn máy. Kích thước của thùng chứa gắn trên xe mô tô, xe gắn máy phải tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

4.4. Phải vận chuyển CTNH đã được đóng gói trong bao bì trừ các trường hợp sau:

4.4.1. CTNH là bao bì thải hoặc cùng loại với bao bì.

4.4.2. CTNH ở thể rắn có kích thước không phù hợp để đóng gói trong bao bì.

4.4.3. CTNH ở thể lỏng hoặc bùn nhão chứa trực tiếp trong bồn của xe bồn hoặc khoang chứa kín của tàu thủy.

4.4.4. CTNH ở thể rắn (kể cả bùn thải khô) có tính chất hóa lý tương đối đồng nhất tại mọi điểm trong khối chất thải, có số lượng lớn được chở trực tiếp bằng xe tải ben, xe ép rác, tàu thủy, xà lan.

4.5. Khu vực chứa CTNH trên tàu thủy, xà lan bảo đảm các yêu cầu sau:

4.5.1. Có sàn và vách xung quanh bảo đảm kín khít đặc biệt tại đường tiếp giáp giữa sàn và vách, bằng vật liệu chống thấm, không cháy, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với CTNH; sàn có đủ độ bền để chịu được tải trọng CTNH cao nhất theo tính toán.

4.5.2. Có mái hoặc phủ bạt che hoàn toàn nắng, mưa, trừ khu vực chứa CTNH trong các thiết bị lưu chứa với dung tích lớn hơn 02 (hai) m³ thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

4.5.3. Có phân chia các ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

4.5.4. Có danh sách hàng hóa hay bảng kê khai chỉ ra vị trí của chất thải.

4.6. Phương tiện vận chuyển CTNH khi đang hoạt động phải được trang bị như sau:

4.6.1. Các dụng cụ cứu hỏa (ít nhất là bình bột dập lửa) theo quy định về phòng cháy chữa cháy.

4.6.2. Vật liệu thấm hút (như cát khô hoặc mùn cưa) và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

4.6.3. Hộp sơ cứu vết thương; bình chứa dung dịch soda gia dụng để trung hòa khẩn cấp vết bỏng axit trong trường hợp vận chuyển chất thải có tính axit.

4.6.4. Thiết bị thông tin liên lạc (điện thoại di động hoặc bộ đàm).

4.6.5. Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất là 30 (ba mươi) cm mỗi chiều, có thể tháo, lắp linh hoạt tùy theo loại CTNH được vận chuyển ít nhất ở hai bên của phương tiện; có dòng chữ “VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI” với chiều cao chữ ít nhất 15 (mười lăm) cm kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ được đặt cố định ít nhất ở hai bên của phương tiện; vật liệu và mực của dấu hiệu và các dòng chữ nêu trên không bị mờ và phai màu. Trừ trường hợp xe gắn máy thì kích thước lựa chọn phù hợp với thực tế.

4.6.6. Biển thông báo sự cố cho các đối tượng giao thông khác trong trường hợp sự cố trên đường.

4.6.7. Các bản hướng dẫn rút gọn về quy trình vận hành an toàn phương tiện vận chuyển và xếp dỡ hay nạp xả CTNH, quy trình ứng phó sự cố (kèm theo danh sách điện thoại của các cơ quan quản lý môi trường, công an, cấp cứu, cứu hỏa của các địa phương trên địa bàn hoạt động), nội quy về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe (kèm theo yêu cầu về thiết bị bảo hộ cá nhân) đặt ở cabin hoặc khu vực điều khiển theo quy định của pháp luật, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ.

4.7. Không chở các CTNH có khả năng phản ứng hóa học với nhau trong cùng một phương tiện vận chuyển, hoặc phải có biện pháp cách ly phù hợp tránh không để CTNH phản ứng hóa học với nhau kể cả khi có sự cố rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn.

5. Hệ thống, thiết bị xử lý CTNH

5.1. Hệ thống hoặc thiết bị xử lý CTNH (kể cả sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH, sau đây gọi chung là xử lý CTNH) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

5.1.1. Có công nghệ, công suất phù hợp với đặc tính hóa học, vật lý, sinh học và số lượng các loại CTNH đăng ký xử lý CTNH.

5.1.2. CTNH được phân loại, kiểm tra và đưa qua hệ thống hoặc thiết bị sơ chế CTNH (nếu cần thiết) để bảo đảm kích thước, trạng thái vật lý phù hợp trước khi đưa vào xử lý.

5.1.3. CTNH sau khi được xử lý cuối cùng và các chất thải phát sinh từ quá trình xử lý phải bảo đảm các tính chất và thành phần nguy hại dưới ngưỡng CTNH theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH hoặc có biện pháp quản lý phù hợp theo quy định.

5.2. Yêu cầu đặc thù đối với một số hệ thống hoặc thiết bị xử lý CTNH như sau:

5.2.1. Lò đốt CTNH tuân thủ theo quy định tại QCKTMT về lò đốt chất thải công nghiệp. Lò đốt CTNH phải có công suất không dưới 100 (một trăm) kg/giờ trừ trường hợp đã được phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc cấp phép hoạt động trước ngày 01 tháng 6 năm 2011.

5.2.2. Khí thải từ việc đồng xử lý CTNH trong lò nung xi măng phải tuân thủ theo quy định tại QCKTMT về đồng xử lý CTNH trong lò nung xi măng.

5.2.3. Sản phẩm của quá trình hóa rắn hoặc ổn định hóa CTNH phải tuân thủ theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH.

5.2.4. Cô lập CTNH bằng đóng kén trong bể bê tông (còn gọi là bể đóng kén) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

5.2.4.1. Bể đóng kén gồm ba dạng: Chìm dưới mặt đất, nửa chìm nửa nổi và nổi trên mặt đất.

5.2.4.2. Diện tích đáy của mỗi bể không quá 100 (một trăm) m² và chiều cao không quá 05m; trường hợp có nhiều hơn một bể thì các bể phải được xây dựng với kết cấu tách rời không chung vách trừ trường hợp tổng diện tích các bể không quá 100 (một trăm) m².

5.2.4.3. Vách và đáy bằng bê tông chống thấm, kết cấu cốt thép bền vững (bổ sung hệ khung dầm để tăng cường kết cấu chịu lực nếu cần thiết) đặt trên nền đất được gia cố (bổ sung đóng cọc nếu nền đất yếu) để bảo đảm tránh sụt lún gây nứt gãy, rò rỉ, thấm thấu theo đúng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về xây dựng.

5.2.4.4. Xung quanh vách (phần chìm dưới mặt đất) và dưới đáy bể có bổ sung lớp lót chống thấm ít nhất gồm một trong các vật liệu sau: Lớp đất sét có hệ số thấm $K \leq 10^{-7}$ cm/s được đầm nén chặt với bề dày ≥ 60 (sáu mươi) cm; màng HDPE (High Density Polyethylen) hoặc nhựa tổng hợp PVC, cao su butila, cao su tổng hợp neopren hoặc vật liệu tương đương với chiều dày ≥ 02 (hai) mm.

5.2.4.5. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ mặt bể và biện pháp hạn chế gió trực tiếp vào trong bể trong thời gian sử dụng cho đến khi đóng bể.

5.2.4.6. Sau khi đầy, phải đóng bể bằng nắp bằng bê tông chống thấm, kết cấu cốt thép bền vững theo đúng quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về xây dựng; nắp phải phủ kín toàn bộ bề mặt bể bảo đảm tuyệt đối không để nước rò rỉ, thấm thấu; nắp bể có bổ sung lớp lót tương tự như quy định tại Điểm 5.2.4.4 Phụ lục 2 (B) này.

5.2.4.7. Trường hợp sử dụng khu vực mặt bể sau khi đóng kín để cho các chức năng khác (trừ đường giao thông cho phương tiện cơ giới) thì phải bảo đảm các tải trọng phía trên bể không vượt quá 25 % khả năng chịu lực theo tính toán của bể.

5.3. Trong thời gian chưa có QCKTMT về bãi chôn lấp CTNH, việc thiết kế, xây dựng bãi chôn lấp CTNH phải tuân thủ nội dung của báo cáo ĐTM, quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM trên cơ sở Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 320:2004 về Bãi chôn lấp chất thải nguy hại - Tiêu chuẩn thiết kế. Việc vận hành bãi chôn lấp CTNH phải tuân thủ nội dung giấy phép xử lý CTNH trên cơ sở Quyết định số 60/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 07 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành Hướng dẫn kỹ thuật chôn lấp chất thải nguy hại.

5.4. Khu vực lắp đặt các hệ thống hoặc thiết bị xử lý CTNH phải được trang bị như sau:

5.4.1. Thiết bị phòng cháy chữa cháy (ít nhất bao gồm bình bọt chữa cháy, cát để dập lửa) theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

5.4.2. Vật liệu thấm hút (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

5.4.3. Hộp sơ cứu vết thương. Phải trang bị bình chứa dung dịch soda gia dụng để trung hòa khẩn cấp vết bỏng axit trong trường hợp xử lý chất thải có tính axit.

5.4.4. Thiết bị thông tin liên lạc (điện thoại cố định).

5.4.5. Thiết bị báo động (như còi, keng, loa).

5.4.6. Sơ đồ thoát hiểm, ký hiệu hướng dẫn thoát hiểm (ký hiệu exit hoặc ký hiệu chỉ lối thoát) đặt ở điểm đầu mỗi của lối đi.

5.4.7. Các bản hướng dẫn rút gọn về quy trình vận hành an toàn của các hệ thống, thiết bị, quy trình ứng phó các loại sự cố (kèm theo danh sách điện thoại của các cơ quan quản lý môi trường, công an, cấp cứu, cứu hỏa tại địa phương), nội quy an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe (kèm theo yêu cầu sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân); có kích thước và ở vị trí bảo đảm thuận tiện quan sát đối với người vận hành, được in rõ ràng, dễ đọc và không bị mờ.

5.5. Hệ thống hoặc thiết bị xử lý CTNH ở nhiệt độ cao có khả năng gây sự cố cháy nổ phải có cơ chế cảnh báo và tự động ngắt khi ở tình trạng vận hành không an toàn song song với cơ chế ngắt bằng tay.

6. Yêu cầu chung đối với công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

6.1. Có công trình bảo vệ môi trường để xử lý khí thải phát sinh từ toàn bộ hoạt động tại cơ sở xử lý hoặc trạm trung chuyển CTNH (nếu có) bảo đảm đạt các QCKTMT hiện hành trước khi thải ra môi trường hoặc có biện pháp kiểm soát khí thải khác.

6.2. Có công trình bảo vệ môi trường để xử lý nước thải phát sinh từ toàn bộ hoạt động tại cơ sở xử lý hoặc trạm trung chuyển CTNH (nếu có) bảo đảm đạt các QCKTMT hiện hành trước khi xả ra môi trường hoặc có biện pháp quản lý nước thải khác.

6.3. Khu vực lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường để xử lý khí thải, nước thải có các bản hướng dẫn rút gọn về quy trình vận hành an toàn của công trình; có kích thước và ở vị trí bảo đảm thuận tiện quan sát đối với người vận hành, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ.

6.4. Có các biện pháp quản lý CTNH, chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động tại cơ sở xử lý và trạm trung chuyển CTNH theo đúng quy định.

6.5. Có biện pháp thông gió (cưỡng bức hoặc tự nhiên) hoặc điều hòa không khí trong các nhà kho, nhà xưởng, để giảm bụi, mùi, khí có hại và bảo đảm nhiệt độ không quá 35 (ba mươi lăm) °C (trừ trường hợp nhiệt độ ngoài trời cao hơn 35 (ba mươi lăm) °C).

6.6. Có biện pháp giảm tiếng ồn, rung trong trường hợp gây tiếng ồn, rung vượt tiêu chuẩn, QCKTMT hiện hành.

6.7. Việc giám sát môi trường định kỳ đối với khí thải; nước thải; chất thải rắn sản phẩm tái chế, tận thu, hóa rắn; tiếng ồn, rung; môi trường lao động thực hiện theo yêu cầu của Tổng cục Môi trường trên cơ sở báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và căn cứ vào các QCKTMT hiện hành. Không bắt buộc giám sát định kỳ đối với thông số dioxin/furan theo quy định tại các QCKTMT hiện hành trừ trường hợp xử lý CTNH có các thành phần halogen hữu cơ vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH hoặc các trường hợp đặc biệt khác do cơ quan cấp phép yêu cầu.

6.8. Hệ thống hoặc thiết bị xử lý CTNH có chứa các thành phần halogen hữu cơ vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH thì phải có thiết bị giám sát môi trường tự động liên tục trừ trường hợp xử lý bằng phương pháp hóa rắn, chôn lấp. Các trường hợp khác chỉ phải lắp thiết bị giám sát môi trường tự động liên tục nếu có yêu cầu của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc cơ quan cấp phép. Các thông số giám sát do các cơ quan này yêu cầu tùy theo tình hình thực tế căn cứ vào QCKTMT hiện hành.

7. Các quy định khác

7.1. Các hệ thống, phương tiện, thiết bị cho việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý CTNH đáp ứng được các quy định tại Phụ lục 2 (B) này được phép sử dụng để quản lý các chất thải thông thường nhưng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải thông thường.

7.2. Ngoài các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 2 (B) này, các phương tiện, thiết bị cho việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý CTNH trong lĩnh vực y tế phải tuân thủ theo quy định hiện hành về quản lý chất thải y tế.

7.3. Trường hợp có QCKTMT riêng đối với từng phương tiện, thiết bị cho việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý CTNH thì áp dụng theo QCKTMT đó.

Phụ lục 3**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. Hướng dẫn sử dụng Chứng từ CTNH**1. Giới thiệu**

Một bộ Chứng từ CTNH gồm các liên (được in sẵn để kê khai bằng tay hoặc kê khai trực tiếp trong máy tính trước khi in ra) như sau:

- Liên số 1: Lưu tại chủ nguồn thải;
- Liên số 2: Lưu tại chủ xử lý CTNH 1 (thứ nhất hoặc duy nhất);
- Liên số 2^S: Chủ xử lý CTNH 1 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có địa điểm cơ sở của mình (tập hợp gửi đồng thời kèm theo Báo cáo quản lý CTNH (sau đây viết tắt là QLCTNH) định kỳ theo mẫu tại Phụ lục 4 (B); phải đóng dấu treo trong trường hợp chỉ thực hiện việc vận chuyển mà không xử lý);
- Liên số 3: Lưu tại chủ xử lý CTNH 2 (thứ hai);
- Liên số 3^S: Chủ xử lý CTNH 2 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có địa điểm cơ sở xử lý CTNH (tập hợp gửi đồng thời kèm theo Báo cáo QLCTNH định kỳ theo mẫu tại Phụ lục 4 (B));
- Liên số 2^T hoặc 3^T: (Các) chủ xử lý CTNH gửi Tổng cục Môi trường (tập hợp gửi đồng thời kèm theo Báo cáo QLCTNH định kỳ theo mẫu tại Phụ lục 4 (B));
- Liên số 4: Lưu tại chủ nguồn thải (chủ xử lý CTNH gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH);
- Liên số 5: Chủ nguồn thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (tập hợp gửi đồng thời kèm theo Báo cáo QLCTNH định kỳ theo quy định tại Phụ lục 4 (A)).

Trong đó, các liên số 1, 2, 2^S, 4 và 5 là các liên mặc định được sử dụng trong mọi trường hợp; các liên còn lại là các liên tùy chọn theo thực tế.

2. Tổ chức thực hiện

- Chủ nguồn thải CTNH phải thống nhất với các tổ chức, cá nhân có liên quan để khai đầy đủ vào Chứng từ CTNH theo đúng nội dung hợp đồng chuyển giao CTNH và các quy định trong Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép QLCTNH của tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH.

- Chủ nguồn thải CTNH phát hành một bộ Chứng từ CTNH mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao CTNH tương ứng với từng chủ xử lý CTNH thực hiện việc xử lý, không dùng chung Chứng từ CTNH cho các lô CTNH được chuyển đến các chủ xử lý CTNH thực hiện việc xử lý khác nhau, kể cả trường hợp do cùng một

chủ xử lý CTNH thực hiện việc vận chuyển. Chủ nguồn thải có trách nhiệm bảo đảm các chủ xử lý CTNH kê khai và xác nhận vào Chứng từ khi có chuyển giao CTNH và khi đã hoàn thành xử lý CTNH.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý CTNH không có chủ nguồn thải cụ thể (như CTNH phát sinh do sự cố môi trường hoặc từ chất thải sinh hoạt) hoặc không xác định được chủ nguồn thải (như CTNH vận chuyển bất hợp pháp bị bắt giữ), chủ xử lý CTNH 1 phát hành Chứng từ CTNH thay cho chủ nguồn thải.

3. Trình tự kê khai, lưu và chuyển Chứng từ CTNH

a) **Mục @:** Căn cứ vào thực tế chuyển giao CTNH để xác định số lượng các liên và đánh dấu vào số ký hiệu tương ứng của từng liên;

b) **Số Chứng từ:** Số thứ tự trong năm/năm/mã số QLCTNH của chủ nguồn thải.

(Ví dụ: Chứng từ đầu tiên trong năm 2015 của chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 01.000001.T có số là: 01/2015/01.000001.T)

Trường hợp chủ nguồn thải không có mã số QLCTNH thì thay bằng ký hiệu viết tắt tên chủ nguồn thải. Trường hợp không có chủ nguồn thải cụ thể thì thay bằng ký hiệu viết tắt tên cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ vận chuyển.

c) **Mục 1, 2 và 3:** Chủ nguồn thải và (các) chủ xử lý CTNH thống nhất khai đầy đủ tên, mã số QLCTNH, địa chỉ (địa chỉ cơ sở hoặc đại lý tương ứng với lô CTNH trong trường hợp có nhiều hơn một cơ sở hoặc đại lý), số điện thoại theo đúng như Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH và Giấy phép đã được cấp. Trường hợp chỉ có duy nhất một chủ xử lý CTNH 1 thực hiện toàn bộ việc QLCTNH (không có chủ xử lý CTNH 2) thì bỏ các liên số 3, 3^S, 3^T và bỏ qua Mục 3;

d) **Mục 4:** Chủ nguồn thải và (các) chủ xử lý CTNH thống nhất khai đầy đủ tên, mã CTNH, trạng thái tồn tại, số lượng và phương pháp xử lý các loại CTNH trong một lần chuyển giao;

đ) **Mục 5:** Trong trường hợp xuất khẩu CTNH, chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện), chủ xử lý CTNH hoặc chủ hành nghề QLCTNH thực hiện việc vận chuyển trong nội địa, đơn vị vận chuyển xuyên biên giới và đơn vị xử lý ở nước ngoài thống nhất khai đầy đủ các thông tin. Bỏ các liên số 3, 3^S, 3^T và không sử dụng Mục 7, 8. Chủ xử lý CTNH hoặc chủ hành nghề QLCTNH thực hiện việc vận chuyển trong nội địa trực tiếp gửi tất cả các liên số 4 và 5 cho chủ nguồn thải kèm theo hồ sơ vận chuyển theo quy định tại Điều 22 Thông tư này;

e) **Mục 6:** Người có thẩm quyền thay mặt chủ nguồn thải ký, đóng dấu vào tất cả các liên để xác nhận việc đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin tại Mục 1 đến 4 (hoặc 5) trước khi tiến hành chuyển giao. Trường hợp không có chủ nguồn thải thì thay bằng cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ vận chuyển.

g) **Mục 7.1:** Khi tiếp nhận CTNH từ chủ nguồn thải, người nhận (lái xe hoặc nhân viên thu gom) thay mặt chủ xử lý CTNH 1 ghi họ tên và ký xác nhận vào tất cả các liên của Chứng từ. Chủ nguồn thải giữ liên 1 và chuyển các liên còn lại cho chủ xử lý CTNH 1;

h) **Mục 7.2:** Khi tiếp nhận CTNH từ chủ xử lý CTNH 1, người nhận (lái xe hoặc nhân viên thu gom) thay mặt chủ xử lý CTNH 2 ghi họ tên và ký xác nhận vào tất cả các liên của Chứng từ mà chủ xử lý CTNH 1 đang giữ. Chủ xử lý CTNH 1 chuyển các liên từ liên 3 trở đi cho chủ xử lý CTNH 2. Trường hợp không có chủ xử lý CTNH 2 thì bỏ qua Mục này;

i) **Mục 8:** Người có thẩm quyền thay mặt cho chủ xử lý CTNH thực hiện việc xử lý ký, đóng dấu vào tất cả các liên nhận được sau khi hoàn thành việc xử lý an toàn CTNH. Chủ xử lý CTNH gửi trả các liên 4 và 5 cho chủ nguồn thải trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành xử lý;

k) Chủ nguồn thải gửi liên 5 cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Lưu ý: Có thể xóa hoặc sửa đổi một số thông tin cho phù hợp khi lập Chứng từ CTNH tùy theo thực tế. Trường hợp chủ vận chuyển, chủ xử lý, tiêu hủy CTNH và chủ hành nghề QLCTNH sử dụng Chứng từ CTNH thì cần xóa, sửa đổi các thông tin, ví dụ như sau: *Chủ vận chuyển* thay thế *Chủ xử lý CTNH 1*; *Chủ xử lý, tiêu hủy* thay thế *Chủ xử lý CTNH 2* hoặc *Chủ hành nghề QLCTNH* thay thế *Chủ xử lý CTNH*.

B. Mẫu Chứng từ CTNH

TỈNH/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
.....		Số:.....					
1. Chủ nguồn thải:.....		Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở:.....		ĐT:.....					
2. Chủ xử lý CTNH 1:.....		Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở/đại lý:.....		ĐT:.....					
3. Chủ xử lý CTNH 2:.....		Mã số QLCTNH:.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở:.....		ĐT:.....					
4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:.....		Cửa khẩu nhập:.....		Số hiệu phương tiện:.....	
		Ngày xuất cảng:.....		Cửa khẩu xuất:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1:.....				Ký:.....		Ngày:.....	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:.....				Ký:.....		Ngày:.....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
....., ngày..... tháng..... năm.....			, ngày..... tháng..... năm.....			
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1□ - 2□ 2 ^S □ - 2 ^T □ - 3□ - 3 ^S □ - 3 ^T □ - 4□ - 5□							

Phụ lục 4**MẪU BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI ĐỊNH KỲ**
(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)**A. Mẫu báo cáo quản lý CTNH định kỳ của chủ nguồn thải CTNH**

(TÊN CHỦ NGUỒN THẢI) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI NĂM...

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...

1. Phần khai chung:

1.1. Tên chủ nguồn thải:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Mã số QLCTNH (nếu không có thì thay bằng số Chứng minh nhân dân đối với cá nhân):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên cơ sở (nếu có):

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Tình hình chung về phát sinh, quản lý CTNH và chất thải thông thường tại cơ sở trong kỳ báo cáo vừa qua:**3. Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):****4. Các vấn đề khác:****Người có thẩm quyền ký**

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Phụ lục 1: Thống kê chất thải phát sinh

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

a) Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
				(tên và mã số QLCTNH)	Ví dụ: TỰ tái sử dụng; xuất khẩu; đồng xử lý;...
Tổng số lượng					

⁽ⁱ⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Côn lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tây rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

a¹) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Mã Basel	Số lượng (kg)	Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới	Đơn vị xử lý ở nước ngoài
				(tên, địa chỉ)	(tên, địa chỉ)
Tổng số lượng					

a²) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương thức tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH
Tổng số lượng			

b) Thống kê chất thải rắn thông thường:

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý hoặc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý	Đơn vị xử lý
			(tên, địa chỉ)
Tổng số lượng			

Phụ lục 2: Tất cả các liên Chứng từ CTNH và bản sao Hợp đồng chuyển giao CTNH với (các) chủ xử lý CTNH đã sử dụng trong kỳ báo cáo vừa qua (để gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi)

(Lưu ý sắp xếp thành từng bộ, bao gồm bản sao hợp đồng kèm theo các liên Chứng từ tương ứng sắp xếp lần lượt theo số chứng từ).

B. Mẫu báo cáo quản lý CTNH định kỳ của chủ xử lý CTNH

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÓ GIẤY PHÉP) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI NĂM...

Kính gửi:

- Tổng cục Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (nơi có địa điểm cơ sở).

1. Thông tin chung:

Tên chủ xử lý CTNH (hoặc chủ vận chuyển/chủ xử lý, tiêu hủy, chủ hành nghề quản lý CTNH):

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Mã số QLCTNH:

Giấy phép có giá trị đến ngày:.../.../.....

2. Tình hình chung về việc quản lý chất thải đã thực hiện trong kỳ báo cáo:

2.1 Tình hình lưu giữ, thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH

2.2 Tình hình lưu giữ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có)

2.3 Tình hình lưu giữ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (nếu có)

3. Kết quả thực hiện chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH trong kỳ báo cáo:

4. Kế hoạch hoạt động trong kỳ báo cáo tới:

5. Các vấn đề khác (việc thực hiện các kế hoạch: Kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường; phòng ngừa và ứng phó sự cố; an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; đào tạo, tập huấn định kỳ):

Người có thẩm quyền ký
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Phụ lục 1: Thống kê về chất thải**a) Số lượng CTNH được quản lý:**

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Ghi chú
				(nêu cơ sở xử lý tương ứng trong trường hợp có nhiều hơn một cơ sở hoặc ghi chú khác như xuất khẩu, chưa xử lý....)
Tổng số lượng				

⁽ⁱ⁾ Trừ trường hợp báo cáo của chủ vận chuyên CTNH, ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

b) Thông tin về các chủ nguồn thải chuyển giao CTNH:

Tên chủ nguồn thải	Mã số QLCTNH	Số lượng (kg)	Ghi chú
Tổng số lượng			

c) Thông tin về các chủ xử lý CTNH, chủ hành nghề QLCTNH, chủ vận chuyển CTNH khác chuyển giao CTNH:

Tên chủ xử lý, chủ hành nghề QLCTNH hoặc chủ vận chuyển CTNH	Mã số QLCTNH	Số lượng (kg)	Ghi chú
Tổng số lượng			

d) Thông tin về các chủ xử lý CTNH hoặc chủ hành nghề quản lý CTNH, chủ xử lý, tiêu hủy CTNH tiếp nhận CTNH để xử lý:

Tên chủ xử lý, chủ hành nghề QLCTNH hoặc chủ xử lý, tiêu hủy CTNH	Mã số QLCTNH	Số lượng (kg)	Ghi chú
Tổng số lượng			

đ) Số lượng chất thải rắn sinh hoạt được vận chuyển, xử lý (nếu có):

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Ghi chú
			Làm rõ phương án vận chuyển, xử lý đồng thời bằng các phương tiện, thiết bị trong Giấy phép hay thiết bị riêng đối với chất thải rắn sinh hoạt
Tổng số lượng			

e) Số lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được vận chuyển, xử lý (nếu có):

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Ghi chú
			Làm rõ phương án vận chuyển, xử lý đồng thời bằng các phương tiện, thiết bị trong Giấy phép hay thiết bị riêng đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường
Tổng số lượng			

Phụ lục 2: Bản sao các kết quả phân tích liên quan đến chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH trong kỳ báo cáo

Phụ lục 3: Tất cả các liên Chứng từ CTNH hoặc bản sao Sổ giao nhận CTNH (đối với một số trường hợp đặc thù) đã sử dụng trong kỳ báo cáo (lưu ý sắp xếp lần lượt theo thứ tự số Chứng từ)

Phụ lục 4: Sổ giao nhận chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có)

Lưu ý: Trường hợp các chủ vận chuyển, chủ xử lý, tiêu hủy CTNH, chủ hành nghề quản lý CTNH sử dụng mẫu báo cáo này thì cần sửa đổi các nội dung cho phù hợp.

C. Mẫu báo cáo quản lý CTNH định kỳ của Sở Tài nguyên và Môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN...
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI NĂM...

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...;
- Tổng cục Môi trường.

1. Tình hình chung về các hoạt động QLCTNH đã triển khai:
2. Tình hình chung về phát sinh CTNH:
3. Tình hình chung về hoạt động của các chủ xử lý CTNH, chủ hành nghề QLCTNH, chủ vận chuyển, chủ xử lý, tiêu hủy CTNH trên địa bàn tỉnh:
4. Tình hình cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trên địa bàn tỉnh:
5. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:
6. Các vấn đề khác:
7. Kết luận và kiến nghị:

Người có thẩm quyền ký
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Phụ lục 1: Các số liệu thống kê về phát sinh và quản lý CTNH trong năm...**a) Thống kê CTNH theo các chủ nguồn thải CTNH:**

TT	Chủ nguồn thải ⁽ⁱ⁾	Mã số QLCTNH	Số lượng CTNH (kg)	Các chủ xử lý CTNH/chủ hành nghề quản lý CTNH/chủ vận chuyển, xử lý tiêu hủy CTNH	Ghi chú
	Tổng số lượng				

⁽ⁱ⁾ Chủ nguồn thải cần được nhóm theo loại hình (ngành nghề) hoạt động đã đăng ký

b) Thống kê CTNH theo các chủ hành nghề QLCTNH; chủ xử lý, tiêu hủy CTNH (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép):

TT	Chủ hành nghề quản lý CTNH/chủ xử lý, tiêu hủy CTNH	Mã số QLCTNH	Số lượng CTNH (kg)	Ghi chú
	Tổng số lượng			

Phụ lục 2: Thống kê toàn bộ các chủ nguồn thải CTNH (kể cả các chủ nguồn thải đã được cấp Sổ đăng ký theo quy định có trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành) đã cấp Sổ đăng ký cho đến hết năm...:

TT	Tên chủ nguồn thải	Địa chỉ cơ sở phát sinh CTNH	Mã số QLCTNH	Ngày cấp

Phụ lục 3: Bản sao hoặc file điện tử Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (bao gồm cả Phụ lục kèm theo) được cấp trong năm báo cáo.

Phụ lục 5
MẪU ĐƠN, HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, GIẤY PHÉP XỬ LÝ
CHẤT THẢI NGUY HẠI

*(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. Mẫu Đơn đăng ký cấp Giấy phép xử lý CTNH

A.1. Mẫu Đơn đăng ký cấp hoặc điều chỉnh Giấy phép xử lý CTNH

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP/ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP
XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Kính gửi: (tên cơ quan cấp phép)

1. Phần khai chung:

1.1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ tương đương):

ngày cấp: nơi cấp:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH hiện có (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép)

Giấy phép xử lý CTNH có giá trị đến ngày (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở xử lý chất thải (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

1.3. Trạm trung chuyển CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

(Trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép thì ghi rõ là cơ sở xử lý hoặc trạm trung chuyển CTNH đã được cấp phép hay đăng ký bổ sung).

2. Địa bàn hoạt động đăng ký

Vùng	Tỉnh
Ghi tên vùng theo Bảng 3 Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này	Ghi tên từng tỉnh hoặc ghi “toàn bộ vùng” (lưu ý không ghi cấp địa bàn nhỏ hơn tỉnh)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở nếu không giống nhau, trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung địa bàn hoạt động thì phân biệt rõ địa bàn hoạt động đã được cấp phép và địa bàn hoạt động đăng ký thay đổi, bổ sung)

3. Danh sách phương tiện, thiết bị đăng ký cho lưu giữ, vận chuyển, xử lý CTNH

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng (đơn vị đếm)	Loại hình
			(ví dụ: đóng gói, bảo quản, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tận thu, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp...)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung)

3a. Danh sách phương tiện, thiết bị đăng ký cho xử lý chất thải rắn sinh hoạt (sau đây viết tắt là CTRSH):

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng (đơn vị đếm)	Loại hình
			(ví dụ: vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tận thu, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp...)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung tại cột ghi chú)

3b. Danh sách phương tiện, thiết bị đăng ký cho việc xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (sau đây viết tắt là CTRCNTT)

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng (đơn vị đếm)	Loại hình
			(ví dụ: vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tận thu, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp...)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung tại cột ghi chú).

4. Danh sách CTNH đăng ký vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(trương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung số lượng và mã CTNH thì phân biệt rõ số lượng và danh sách đã được cấp phép và đăng ký thay đổi).

5. Mục lục Bộ hồ sơ đăng ký:

-
-

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Cơ quan xem xét hồ sơ và cấp Giấy phép, đồng thời kiểm tra, xác nhận các nội dung sau (nếu có):

- Việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo ĐTM, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

- Xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với xử lý CTRCNTT;

- Xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với xử lý CTRSH.

.....(2).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp Giấy phép xử lý CTNH;

(2) Người có thẩm quyền ký của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp Giấy phép xử lý CTNH.

A2. Mẫu Đơn đăng ký cấp lại Giấy phép xử lý CTNH

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP LẠI GIẤY PHÉP XỬ LÝ
CHẤT THẢI NGUY HẠI

Kính gửi: (tên cơ quan cấp phép)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH hiện có:

Giấy phép quản lý CTNH hoặc xử lý CTNH có giá trị đến ngày:

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

Đề nghị cấp lại Giấy phép xử lý CTNH với lý do sau:

1.....

2.....

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Cơ quan xem xét hồ sơ và cấp lại Giấy phép xử lý CTNH.

.....(2).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

1.....

2.....

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy phép xử lý CTNH;

(2) Người có thẩm quyền ký của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy phép xử lý CTNH.

B. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép xử lý CTNH

B.1. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép xử lý CTNH được đóng quyển thành bộ hồ sơ bao gồm Đơn đăng ký theo mẫu A.1 Phụ lục này kèm theo các hồ sơ, tài liệu trình bày theo cấu trúc như sau:

1. Hồ sơ pháp lý đối với cơ sở xử lý

a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

b) Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM được Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế như sau:

- Văn bản hợp lệ về môi trường do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với cơ sở xử lý chất thải đã đưa vào hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 gồm: Giấy xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Văn bản thẩm định bản kê khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh có tác động đến môi trường; Phiếu thẩm định đánh giá tác động môi trường; hoặc các giấy tờ tương đương với các văn bản này;

- Quyết định phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường theo quy định đối với cơ sở xử lý chất thải đã đưa vào hoạt động;

- Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc hồ sơ giấy tờ tương đương) đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nhu cầu đồng xử lý CTNH theo quy định tại Khoản 9 Điều 9 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

Phụ lục 1: Bản sao Báo cáo ĐTM, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc các hồ sơ kèm theo giấy tờ thay thế nêu trên (phần nội dung chính, không kèm theo phụ lục).

2. Hồ sơ pháp lý đối với trạm trung chuyển CTNH (nếu có)

- Các giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê địa điểm làm trạm trung chuyển CTNH.

- Bản sao kế hoạch BVMT hoặc cam kết BVMT (trước đây) được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho dự án đầu tư các hạng mục công trình phục vụ hoạt động lưu giữ CTNH tại trạm trung chuyển CTNH trong trường hợp các hồ sơ, giấy tờ nêu tại Mục 1, phần B1, Phụ lục này chưa bao gồm các hạng mục đó.

3. Bản mô tả các cơ sở xử lý chất thải và trạm trung chuyển CTNH đã đầu tư

3.1. Vị trí và quy mô

3.1.1. Vị trí (địa chỉ; các hướng tiếp giáp; khoảng cách đến khu dân cư và doanh nghiệp sản xuất gần nhất; đặc điểm khu vực...)

3.1.2. Quy mô (tổng diện tích; kích thước; đặc điểm khu đất...)

3.2. Điều kiện địa chất - thủy văn khu vực xung quanh

3.3. Mô tả các hạng mục công trình

3.3.1. Các hạng mục công trình xử lý CTNH

3.3.2. Các hạng mục công trình cho quản lý CTNH tại trạm trung chuyển (nếu có)

3.3.3. Các hạng mục công trình xử lý CTRSH (nếu có)

3.3.4. Các hạng mục công trình xử lý CTCRNTT (nếu có)

(Lưu ý các hạng mục được mô tả phải thống nhất về tên, ký hiệu và số thứ tự so với sơ đồ phân khu chức năng. Các hạng mục công trình cần được mô tả riêng biệt với các thông tin về: Chức năng; diện tích/quy mô; thiết kế kiến trúc/cấu trúc; các đặc điểm khác.... Trường hợp các hạng mục công trình xử lý CTNH dùng chung để xử lý CTRSH và CTCRNTT thì chỉ mô tả một lần).

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở xử lý chất thải hoặc trạm trung chuyển CTNH thì trình bày lần lượt từng cơ sở hoặc trạm trung chuyển theo cấu trúc tương tự như trên).

Phụ lục 2: Sơ đồ phân khu chức năng (hay còn gọi là sơ đồ tổng mặt bằng) trong cơ sở xử lý chất thải và trạm trung chuyển CTNH (nếu có); các bản vẽ, hình ảnh về cơ sở xử lý chất thải và trạm trung chuyển CTNH (nếu có).

4. Hồ sơ kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc vận chuyển, xử lý và lưu giữ chất thải

Bảng giới thiệu tóm tắt các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc quản lý chất thải:

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Mô tả	Chức năng	Ghi chú
1	Các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc xử lý CTNH (bao gồm tại cơ sở xử lý và trạm trung chuyển CTNH (nếu có))			
				(thuộc cơ sở xử lý hoặc trạm trung chuyển CTNH)
2	Các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc xử lý CTRSH (nếu có)			
3	Các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc xử lý CTCRNTT (nếu có)			

4.1. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện/thiết bị cho xử lý CTNH

4.1.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên phương tiện/thiết bị)

4.1.1.1. Chức năng (nêu thêm là thuộc cơ sở xử lý hay trạm trung chuyển CTNH)

4.1.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

4.1.1.3. Thiết kế, cấu tạo, quy trình công nghệ và tính chất các loại CTNH có khả năng quản lý (phân tích về thiết kế, cấu tạo, vật liệu và các đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ để chứng minh khả năng quản lý an toàn chúng)

4.1.1.4. Thiết bị phụ trợ (thiết bị cảnh báo và xử lý sự cố, thiết bị tự động ngắt, thiết bị thông tin liên lạc, dấu hiệu cảnh báo - phòng ngừa...)

4.1.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

4.1.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

4.2. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện/thiết bị cho xử lý CTRSH (nếu có)

4.2.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên phương tiện/thiết bị)

4.2.1.1. Chức năng

4.2.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

4.2.1.3. Thiết kế, cấu tạo, quy trình công nghệ và tính chất chất thải có khả năng quản lý (phân tích về thiết kế, cấu tạo, vật liệu và các đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ để chứng minh khả năng quản lý an toàn chúng)

4.2.1.4. Thiết bị phụ trợ (thiết bị cảnh báo và xử lý sự cố, thiết bị tự động ngắt, thiết bị thông tin liên lạc, dấu hiệu cảnh báo - phòng ngừa...)

4.2.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

4.2.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

4.3. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện/thiết bị cho xử lý CTCNTT (nếu có)

4.3.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên phương tiện/thiết bị)

4.3.1.1. Chức năng

4.3.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

4.3.1.3. Thiết kế, cấu tạo, quy trình công nghệ và tính chất chất thải có khả năng quản lý (phân tích về thiết kế, cấu tạo, vật liệu và các đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ để chứng minh khả năng quản lý an toàn chúng)

4.3.1.4. Thiết bị phụ trợ (thiết bị cảnh báo và xử lý sự cố, thiết bị tự động ngắt, thiết bị thông tin liên lạc, dấu hiệu cảnh báo - phòng ngừa...)

4.3.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

4.3.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

Lưu ý: Trường hợp các phương tiện, thiết bị xử lý CTNH dùng chung để xử lý cả CTRSH và CTCNTT thì chỉ mô tả một lần.

Phụ lục 3: Các ảnh chụp, bản vẽ, giấy tờ, hợp đồng (bàn giao phương tiện không chính chủ) kèm theo các phương tiện, thiết bị (sắp xếp thành từng bộ đối với mỗi phương tiện, thiết bị)

(Hợp đồng bàn giao phương tiện không chính chủ gồm các nội dung chính sau: Thông tin của hai bên ký kết; số đăng ký và các thông tin khác của phương tiện; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và tại Thông tư này; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đăng ký đối với toàn bộ hoạt động và nhân sự của phương tiện vận chuyển liên quan đến quá trình vận chuyển CTNH; quy định rõ về trách nhiệm của các bên; chế độ kiểm tra, giám sát và liên đới chịu trách nhiệm về các vi phạm)

5. Hồ sơ kỹ thuật của các công trình BVMT đã đầu tư

Bảng giới thiệu tóm tắt các công trình BVMT:

TT	Tên công trình, biện pháp	Mô tả	Chức năng	Ghi chú
1	Các công trình BVMT cho hoạt động xử lý CTNH và trạm trung chuyển CTNH (nếu có)			
				(thuộc cơ sở xử lý hay trạm trung chuyển CTNH)
2	Các công trình BVMT cho hoạt động xử lý CTRSH (nếu có)			
3	Các công trình BVMT cho hoạt động xử lý CTRCNTT (nếu có)			

5.1. Các công trình BVMT cho hoạt động xử lý CTNH và trạm trung chuyển CTNH (nếu có)

5.1.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên công trình/biện pháp)

5.1.1.1. Chức năng

5.1.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

5.1.1.3. Thiết kế, cấu tạo và quy trình công nghệ

5.1.1.4. Thiết bị phụ trợ (nếu có)

5.1.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

5.1.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

5.2. Các công trình BVMT cho hoạt động xử lý CTRSH (nếu có)

5.2.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên công trình/biện pháp)

5.2.1.1. Chức năng

5.2.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

5.2.1.3. Thiết kế, cấu tạo và quy trình công nghệ

5.2.1.4. Thiết bị phụ trợ (nếu có)

5.2.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

5.2.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

5.3. Các công trình BVMT cho hoạt động xử lý CTCNTT (nếu có)

5.3.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên công trình/biện pháp)

5.3.1.2. Chức năng

5.3.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

5.3.1.3. Thiết kế, cấu tạo và quy trình công nghệ

5.3.1.4. Thiết bị phụ trợ (nếu có)

5.3.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

5.3.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

(Trường hợp các hoạt động xử lý CTNH, CTRSH, CTCNTT có cùng chung công trình BVMT (như cùng hệ thống xử lý nước thải) thì chỉ mô tả một lần).

Phụ lục 4: Bản sao hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hoàn công các công trình bảo vệ môi trường; các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận, giám định, văn bản có liên quan để kết hợp với việc kiểm tra, xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo ĐTM được phê duyệt hoặc xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hoạt động xử lý CTRSH, CTCNTT; nếu dày quá thì có thể đóng quyển riêng; giấy tờ, ảnh chụp có liên quan.

6. Hồ sơ nhân lực

6.1. Giới thiệu chung về nhân lực của cơ sở

6.2. Bảng lý lịch trích ngang của các cán bộ, công nhân viên (nêu toàn bộ những người tham gia hoặc có liên quan đến công tác chuyên môn về quản lý CTNH và bảo vệ môi trường)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm	Chức vụ	Nhiệm vụ

Phụ lục 5: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm của những cán bộ, công nhân viên có yêu cầu bắt buộc về trình độ quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 9 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

7. Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị

7.1. Quy trình vận hành an toàn của (tên phương tiện/thiết bị)

7.1.1. Mục tiêu

7.1.2. Phạm vi áp dụng

7.1.3. Nội dung thực hiện

- Chuẩn bị vận hành
- Xác định nguy cơ/rủi ro
- Trang bị bảo hộ lao động

- Dụng cụ, thiết bị cần thiết
- Quy trình, thao tác vận hành chuẩn
- Kết thúc vận hành

7.1.4. Quy trình và tần suất bảo trì

7.2. Quy trình vận hành an toàn của...

Phụ lục 6: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) cho quy trình vận hành an toàn của các phương tiện/thiết bị (phải ghi chú vị trí đặt bản)

8. Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (tại cơ sở xử lý và các trạm trung chuyển)

8.1. Chương trình quản lý môi trường

8.1.1. Mục tiêu

8.1.2. Tổ chức nhân sự

8.1.3. Kế hoạch quản lý (kế hoạch thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường theo báo cáo ĐTM hoặc các hồ sơ, giấy tờ tương đương)

8.2. Quy trình vận hành, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường (trình bày cho từng công trình đã lập hồ sơ kỹ thuật tại Mục 5 theo cấu trúc tương tự hồ sơ tại Mục 7 Phụ lục này)

8.3. Kế hoạch vệ sinh các phương tiện, thiết bị và công trình

8.4. Kinh phí hàng năm

Phụ lục 7: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) cho quy trình vận hành, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường (phải ghi chú vị trí đặt bản)

9. Chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải

9.1. Chương trình giám sát môi trường

9.1.1. Giám sát môi trường lao động trong các nhà xưởng (áp dụng thêm đối với trạm trung chuyển CTNH nếu có hoạt động trung chuyển, lưu giữ, sơ chế)

9.1.2. Giám sát môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn (áp dụng thêm đối với trạm trung chuyển CTNH nếu có hoạt động trung chuyển, lưu giữ, sơ chế)

9.1.3. Giám sát chất lượng nước mặt, nước ngầm (áp dụng thêm đối với trạm trung chuyển CTNH nếu có phát sinh và xử lý nước thải)

9.1.4. Giám sát nước thải (đầu vào và đầu ra) (áp dụng thêm đối với trạm trung chuyển CTNH nếu có phát sinh và xử lý nước thải)

9.1.5. Giám sát khí thải (không áp dụng đối với trạm trung chuyển CTNH)

9.1.6. Giám sát khác

9.2. Giám sát vận hành xử lý chất thải

Giám sát vận hành xử lý chất thải (ví dụ: Nhiệt độ, lượng ôxi, tốc độ nạp CTNH, công suất xử lý,...)

9.3. Đánh giá hiệu quả xử lý chất thải (ví dụ: Các thành phần nguy hại, tính chất nguy hại của sản phẩm tái chế, tận thu và chất thải sau xử lý so với QCKTMT về ngưỡng CTNH và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có liên quan,...)

(Từng hợp phần của chương trình giám sát nêu trên phải trình bày đầy đủ các thông tin sau: Vị trí giám sát; thông số giám sát; tần suất giám sát; quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh; mô tả quy trình thực hiện)

9.4. Hệ thống quan trắc môi trường tự động (nếu có)

Phụ lục 8: Bảng tóm tắt chương trình giám sát; sơ đồ vị trí lấy mẫu...

10. Kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên

10.1. Trang bị bảo hộ cá nhân và các biện pháp bảo vệ sức khỏe người lao động

10.1.1. Trang bị bảo hộ lao động

TT	Trang bị	Xuất xứ	Số lượng	Tính năng/trường hợp, điều kiện sử dụng

10.1.2. Các biện pháp bảo vệ sức khỏe khác

10.2. Các thủ tục, biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình lao động

10.3. Chăm sóc sức khỏe (kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hàng năm; việc tổ chức uống sữa tẩy độc thường xuyên; chính sách về bảo hiểm, y tế, chế độ đối với bệnh nghề nghiệp/tai nạn lao động; kết quả khám sức khỏe định kỳ mới nhất của cán bộ công nhân viên)

10.4. Các vấn đề liên quan khác...

Phụ lục 9: Bản nội quy an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; bản chỉ dẫn sử dụng trang bị bảo hộ lao động (phải ghi chú vị trí đặt bản)

11. Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

(Lưu ý cần phân biệt sự cố ở các khâu khác nhau như trên đường vận chuyển, tại trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải)

11.1. Mục tiêu

11.2. Ưu tiên trong trường hợp xảy ra sự cố (xác định các ưu tiên hàng đầu trong mọi tình huống khẩn cấp, liệt kê theo thứ tự ưu tiên)

11.3. Phân tích các kịch bản sự cố có thể xảy ra

TT	Sự cố	Ở khâu	Nguyên nhân	Tác động có thể

11.4. Biện pháp, quy trình phòng ngừa và chuẩn bị cho việc ứng phó sự cố

11.4.1. Biện pháp, quy trình về quản lý

11.4.2. Biện pháp kỹ thuật và trang thiết bị

TT	Loại trang thiết bị/ biện pháp	Số lượng	Đặc điểm, chức năng	Vị trí

11.5. Quy trình ứng phó khẩn cấp

11.5.1. Đối với sự cố cháy, nổ

a) Phạm vi áp dụng

b) Nội dung quy trình các bước ứng phó

c) Thủ tục thông báo và yêu cầu trợ giúp khi có sự cố (nêu rõ địa chỉ, số điện thoại, trình tự thông báo cho các bên liên quan như ban quản lý cơ sở, các cơ quan chức năng về môi trường, công an, phòng cháy chữa cháy, y tế...; nêu rõ phương án, địa điểm cấp cứu người)

11.5.2. Đối với sự cố rò rỉ, đổ tràn

11.5.3. Đối với tai nạn lao động

11.5.4. Đối với tai nạn giao thông

11.5.5. Đối với (các sự cố khác...)

11.6. Tình huống và kế hoạch sơ tán người tại cơ sở và khu vực phụ cận (trong những tình huống nào thì phải sơ tán và tổ chức sơ tán như thế nào)

11.7. Biện pháp xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường sau khi kết thúc sự cố (đối với ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường đất; môi trường không khí; quản lý chất thải phát sinh do sự cố)

11.8. Kinh phí dự phòng và bảo hiểm

Phụ lục 10: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) của các quy trình ứng phó sự cố; bản sơ đồ thoát hiểm trong cơ sở (phải ghi chú rõ vị trí đặt bản)

12. Kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm cho cán bộ, công nhân viên

12.1. Mô tả các nội dung đào tạo, tập huấn

12.1.1. Các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý CTNH, CTRSH, CTCNTT.

12.1.2. Vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị

12.1.3. Kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (cần đề cập cả nội dung quản lý CTNH như nhận biết, phân loại, lưu giữ, xử lý...)

12.1.4. An toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

12.1.5. Phòng ngừa và ứng phó sự cố

12.1.6. Các nội dung khác...

12.2. Các đối tượng (cán bộ, công nhân viên) cần được đào tạo

12.3. Tổ chức thực hiện

TT	(Nhóm) đối tượng	Nội dung đào tạo	Đơn vị/địa điểm tổ chức đào tạo	Thời gian - Tần suất thực hiện

12.4. Công tác đánh giá sau đào tạo, tập huấn (cách thức, nội dung, tiêu chí đánh giá)

Phụ lục 11: Tài liệu đào tạo (nếu tự tổ chức; lưu ý phần tài liệu đào tạo là các kế hoạch, quy trình, chương trình đã lập trong bộ hồ sơ đăng ký này thì không cần nêu lại mà chỉ cần ghi chú)

13. Kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động (toàn bộ hoặc một số khu vực xử lý chất thải, trạm trung chuyển CTNH).

13.1. Các kế hoạch (xử lý triệt để lượng chất thải còn tồn đọng; vệ sinh phương tiện, thiết bị và cơ sở; phá dỡ cơ sở hoặc chuyển đổi mục đích; các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình giám sát môi trường sau khi chấm dứt hoạt động, đặc biệt là nếu có bãi chôn lấp...)

13.2. Các thủ tục (thông báo cho các cơ quan chức năng, khách hàng và cộng đồng, nộp lại giấy phép...)

13.3. Kinh phí dự phòng

14. Báo cáo các vấn đề khác trong việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế tương đương (giải trình các điểm thay đổi so với báo cáo ĐTM).

B.2. Bộ hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy phép xử lý CTNH bao gồm Đơn đăng ký theo mẫu A.2 Phụ lục này kèm theo các hồ sơ, tài liệu trình bày theo cấu trúc như sau:

1. Báo cáo việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã lập trong Bộ hồ sơ đăng ký (trong thời gian 01 năm trước thời điểm đăng ký cấp gia hạn hoặc điều chỉnh; trừ trường hợp đăng ký cấp lại trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp phép gần nhất thì không phải báo cáo), bao gồm:

1.1. Thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường

1.2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải

1.3. Thực hiện kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

1.4. Thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

1.5. Thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm

2. Bản sao tất cả các Biên bản thanh tra, kiểm tra các văn bản kết luận, xử lý vi phạm (nếu có) liên quan của các cơ quan có thẩm quyền (trong thời gian 03 năm trước thời điểm đăng ký cấp gia hạn hoặc cấp điều chỉnh).

B.3. Bộ hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy phép xử lý CTNH được đóng quyển bao gồm Đơn đăng ký theo mẫu A.1 Phụ lục này kèm theo các hồ sơ, giấy tờ trình bày theo cấu trúc như sau:

Đối với các hồ sơ, giấy tờ nêu từ Mục 1 đến 14 trong Phần B.1: Chỉ trình bày những nội dung cập nhật, sửa đổi, bổ sung.

Các hồ sơ, giấy tờ đặc trưng cho việc đăng ký điều chỉnh Giấy phép bao gồm:

15. Bản tổng hợp giải trình các nội dung thay đổi, bổ sung.

16. Báo cáo việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã lập trong Bộ hồ sơ đăng ký (trong thời gian 01 năm trước thời điểm đăng ký cấp gia hạn hoặc điều chỉnh; trừ trường hợp đăng ký cấp điều chỉnh trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp lần đầu thì không phải báo cáo), bao gồm:

16.1. Thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường

16.2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải

16.3. Thực hiện kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

16.4. Thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

16.5. Thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm

17. Bản sao tất cả các biên bản thanh tra, kiểm tra các văn bản kết luận, xử lý vi phạm (nếu có) liên quan của các cơ quan có thẩm quyền (trong thời gian từ thời điểm được cấp phép gần nhất đến trước thời điểm đăng ký cấp điều chỉnh).

Lưu ý:

- Đối với bộ hồ sơ được nộp lại sau khi sửa đổi, bổ sung theo hướng dẫn của cơ quan cấp phép thì phải gửi kèm theo một bản giải trình cụ thể các điểm sửa đổi, bổ sung;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân muốn đổi bộ hồ sơ kèm theo các Giấy phép đã được cấp thì lập hồ sơ như cấp lần đầu cho cơ quan cấp phép xem xét khi cấp lại, điều chỉnh Giấy phép.

C. Mẫu kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý chất thải

1. Văn bản đề nghị cơ quan cấp phép xem xét, chấp thuận kế hoạch vận hành thử nghiệm

2. Giới thiệu (thông tin về tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề)

3. Nội dung vận hành thử nghiệm

3.1. Tóm tắt kế hoạch thử nghiệm

3.1.1. Các phương tiện, thiết bị xử lý chất thải

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Tên (nhóm) CTNH thử nghiệm	Số lượng (kg)	Thời gian thử nghiệm	Đầu ra (cặn bã/sản phẩm)
1	Các phương tiện, thiết bị xử lý CTNH				
2	Các phương tiện, thiết bị xử lý CTRSH (nếu có)				
3	Các phương tiện, thiết bị xử lý CTCNTT (nếu có)				

(Không nhất thiết phải vận hành thử nghiệm tất cả các mã chất thải đăng ký mà có thể lựa chọn một số mã chất thải có tính đại diện của từng nhóm chất thải có cùng tính chất và phương án xử lý; cần vận hành thử ở các mức công suất khác nhau, đặc biệt là công suất lớn nhất để lựa chọn công suất phù hợp cho từng nhóm chất thải; có thể không vận hành các phương tiện, thiết bị sơ chế như nghiền...)

3.1.2. Các công trình bảo vệ môi trường

TT	Tên công trình	Thời gian thử nghiệm	Tác động môi trường (khí thải, nước thải, tiếng ồn, chất thải rắn, bùn thải...)
1	Các công trình bảo vệ môi trường cho hoạt động xử lý CTNH		
2	Các công trình bảo vệ môi trường cho hoạt động xử lý CTRSH (nếu có)		
3	Các công trình bảo vệ môi trường cho hoạt động xử lý CTCNTT (nếu có)		

3.2. Mô tả cụ thể quy trình vận hành thử nghiệm dự kiến

3.3. Các vấn đề liên quan (an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; phòng ngừa và ứng phó sự cố...)

4. Kế hoạch lấy mẫu giám sát

4.1. Tóm tắt kế hoạch:

Vị trí lấy mẫu	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát (và số hiệu quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh)							
		Khí thải	Không khí xung quanh	Môi trường lao động	Tiếng ồn	Nước thải trước xử lý	Nước thải sau xử lý	Sản phẩm đầu ra	Cặn bã (chất thải rắn, bùn)

4.2. Mô tả quy trình lấy mẫu giám sát dự kiến

4.3. Các vấn đề liên quan

5. Kế hoạch tạm thời thu gom, vận chuyển hoặc tiếp nhận CTNH cho vận hành thử nghiệm

(Nêu đầy đủ các thông tin về: Dự kiến về loại, số lượng và nguồn CTNH; phương án và phương tiện (loại, số đăng ký...) để tạm thời thu gom, vận chuyển hoặc tiếp nhận CTNH cho vận hành thử nghiệm)

6. Kết luận và kiến nghị

....., ngày... tháng... năm.....
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Lưu ý: Trường hợp vận hành thử nghiệm đồng thời tại nhiều hơn một cơ sở xử lý CTNH thì phải phân biệt rõ đối với từng cơ sở. Trường hợp các hoạt động xử lý CTNH, CTRSH, CTRCNTT có cùng chung công trình BVMT (như cùng hệ thống xử lý nước thải) thì chỉ mô tả một lần.

D. Mẫu văn bản chấp thuận kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý chất thải

(TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép)

Sau khi xem xét Kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý chất thải lập ngày... tháng... năm..... của (tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép xử lý chất thải), (tên cơ quan cấp phép) có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận (tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép xử lý chất thải) triển khai vận hành thử nghiệm các phương tiện, thiết bị xử lý chất thải cũng như các công trình bảo vệ môi trường tại (tên và địa chỉ cơ sở xử lý chất thải); Tạm thời cho phép (tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép xử lý chất thải) thu gom, vận chuyển hoặc tiếp nhận các chất thải cho vận hành thử nghiệm theo đúng kế hoạch nêu trên (kèm theo Công văn này*).

2. Yêu cầu (tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép xử lý chất thải):

- (Các yêu cầu hoặc lưu ý khác, ví dụ thực hiện đúng nội dung báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt...);

- Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, yêu cầu (tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép xử lý chất thải) báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm và ngừng thu gom, vận chuyển, tiếp nhận, xử lý các mã chất thải đăng ký cho đến khi có ý kiến khác của (tên cơ quan cấp phép) hoặc được cấp Giấy phép xử lý CTNH.

3. Trường hợp cần thiết, (tên cơ quan cấp phép) kiểm tra và lấy mẫu giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm.

(Tên cơ quan cấp phép) thông báo để (tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép xử lý CTNH) biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TN&MT;
- Lưu ...

Người có thẩm quyền ký

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

* **Ghi chú:** Văn bản chấp thuận kèm theo một bản kế hoạch vận hành thử nghiệm được cơ quan cấp phép đóng dấu xác nhận vào trang bìa và dấu giáp lai.

Đ. Mẫu báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý chất thải

1. Giới thiệu chung về tổ chức, cá nhân
2. Báo cáo nội dung vận hành thử nghiệm

2.1. Tóm tắt kế hoạch

2.1.1. Các phương tiện, thiết bị chuyên dụng xử lý CTNH

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Tên (nhóm) CTNH thử nghiệm	Số lượng (kg)	Thời gian thử nghiệm	Đầu ra (cặn bã/sản phẩm)
1	Các phương tiện, thiết bị xử lý CTNH				
2	Các phương tiện, thiết bị xử lý CTRSH (nếu có)				
3	Các phương tiện, thiết bị xử lý CTCNTT (nếu có)				

2.1.2. Các công trình bảo vệ môi trường

TT	Tên công trình	Thời gian thử nghiệm	Tác động môi trường (khí thải, nước thải, tiếng ồn, chất thải rắn, bùn thải...)
1	Các công trình bảo vệ môi trường tại khu vực xử lý CTNH		
2	Các công trình bảo vệ môi trường tại khu vực xử lý CTRSH (nếu có)		
3	Các công trình bảo vệ môi trường tại khu vực xử lý CTCNTT (nếu có)		

2.2. Báo cáo cụ thể về quá trình và kết quả vận hành thử nghiệm

2.3. Các vấn đề liên quan (an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; phòng ngừa và ứng phó sự cố...)

3. Báo cáo kết quả lấy mẫu giám sát

3.1. Tóm tắt kế hoạch

Vị trí lấy mẫu	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát (và số hiệu quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh)							
		Khí thải	Không khí xung quanh	Môi trường lao động	Tiếng ồn	Nước thải trước xử lý	Nước thải sau xử lý	Sản phẩm đầu ra	Cặn bã (chất thải rắn, bùn)

3.2. Đánh giá kết quả (kèm theo bảng chi tiết kết quả phân tích từng chỉ tiêu so sánh với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành)

3.3. Các vấn đề liên quan

4. Báo cáo việc thu gom, vận chuyển và tiếp nhận chất thải cho vận hành thử nghiệm

5. Kết luận

5.1. Các điểm đạt

5.2. Các điểm chưa đạt và giải thích nguyên nhân

5.3. Các điểm thay đổi so với kế hoạch và lý do thay đổi

6. Cam kết và kiến nghị

6.1. Cam kết (cam kết các biện pháp để bảo đảm các điểm chưa đạt)

6.2. Kiến nghị

....., ngày... tháng... năm.....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

E. Mẫu Giấy phép xử lý CTNH

(TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm.....

GIẤY PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH:.....

(Cấp lần.....)

I. Thông tin chung về chủ xử lý CTNH:

Tên:

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ tương đương): ngày cấp: nơi cấp:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

II. Nội dung cấp phép:

1. Được phép thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải cho các chủ nguồn thải trên địa bàn hoạt động theo Mục 1 của Phụ lục I kèm theo.

2. Được phép sử dụng, vận hành các phương tiện, thiết bị theo Mục 2 của Phụ lục I kèm theo.

3. Được phép vận chuyển và xử lý các loại CTNH theo Mục 3 của Phụ lục I kèm theo.

4. Được phép thực hiện những điều chỉnh theo quy định tại Phụ lục II kèm theo (nếu có).

III. Điều khoản thi hành:

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày:../../..... và thay thế Giấy phép có mã số QLCTNH:..... cấp lần... ngày../../..... (nếu có).

Giấy phép này xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt/chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có).

Nơi nhận:

- Như phần I;
- UBND tỉnh; Sở TN&MT;
- Lưu ...

Người có thẩm quyền ký

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

...(1)...

...(2)...

IV. CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI CHỦ XỬ LÝ CTNH

(Do cơ quan cấp phép quy định theo từng trường hợp, ví dụ như sau:)

1. Các CTNH phải bảo đảm các điều kiện sau trước khi đưa vào xử lý (hoặc không được phép xử lý các CTNH có tính chất như sau):...
2. Hạn chế vận chuyển CTNH trên các tuyến đường có các cơ quan hành chính Nhà nước, trường học, bệnh viện và các vị trí tập trung đông người như: Trung tâm thể dục thể thao, nhà hát, rạp chiếu phim, chợ, trung tâm thương mại... trừ trường hợp thu gom CTNH cho các chủ nguồn thải CTNH ở các khu vực này.
3. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
4. Thực hiện các yêu cầu khác của cơ quan cấp phép trong quá trình hoạt động.
- 5....

V. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ XỬ LÝ VÀ TRẠM TRUNG CHUYÊN CTNH

(Trình bày lần lượt thông tin của từng cơ sở xử lý và trạm trung chuyển CTNH như sau:)

1. Tên cơ sở xử lý số...:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Tên trạm trung chuyển CTNH số ...:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

VI. XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các công trình bảo vệ môi trường dưới đây đã được hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án) có báo cáo ĐTM (hoặc Đề án bảo vệ môi trường) được phê duyệt tại Quyết định số... ngày... tháng... năm... của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

1.1. ...

1.2. ...

(Liệt kê các nội dung về công trình bảo vệ môi trường đã được hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án), trong đó nêu rõ những công trình bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM hoặc Đề án được phê duyệt).

...(1)...

...(2)...

PHỤ LỤC I

*(Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có Mã số QLCTNH:.....
cấp lần... ngày... tháng... năm.....)*

1. Địa bàn hoạt động được phép:

Vùng	Tỉnh
Ghi tên vùng theo Bảng 3 Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này	Ghi tên từng tỉnh hoặc ghi “toàn bộ vùng” (Lưu ý không ghi địa bàn nhỏ hơn cấp tỉnh)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở nếu không giống nhau)

2. Danh sách phương tiện, thiết bị được phép vận hành:

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng (đơn vị đếm)	Loại hình
			(ví dụ: Đóng gói, bảo quản, lưu giữ, tái chế, đồng xử lý, chôn lấp, đóng kén...)

(Bao gồm cả các phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động xử lý CTRSH và CTRCNTT, phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và trạm trung chuyển)

3. Danh sách CTNH được phép vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(trương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau)

4. Hồ sơ kèm theo Giấy phép:

(Các) bộ hồ sơ sau đây được cơ quan cấp phép đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy phép và Phụ lục của Giấy phép này: ...(3)...

...(1)...

...(2)...

(TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày... tháng... năm.....***PHỤ LỤC II***(Nội dung điều chỉnh đối với Giấy phép xử lý CTNH có Mã số QLCTNH:.....
cấp lần... ngày... tháng... năm.....)*

- 1. Điều chỉnh về địa bàn được phép hoạt động (nếu có):**
- 2. Điều chỉnh về danh sách phương tiện, thiết bị được phép vận hành (nếu có):**
- 3. Điều chỉnh về danh sách CTNH được phép vận chuyển, xử lý (nếu có):**
- 4. Các điều chỉnh khác:**
- 5. Hồ sơ kèm theo:**

Phụ lục II này và bộ hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy phép được cơ quan cấp phép đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy phép có Mã số QLCTNH:..... cấp lần... ngày... tháng... năm.....

Nơi nhận:

- Như phần I;
- UBND tỉnh; Sở TN&MT;
- Lưu...

Người có thẩm quyền ký

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: Trên đầu (header) các trang của Giấy phép (trừ trang đầu) cần ghi:

- (1) Mã số QLCTNH (ngày/tháng/năm cấp Giấy phép), ví dụ: 1-2.001.VX (01/10/2014) và đóng dấu treo của cơ quan cấp phép lên vị trí này;
- (2) Số trang/tổng số trang, ví dụ: Trang 01/10;
- (3) Liệt kê toàn bộ các bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy phép có Mã số QLCTNH:... cấp lần... ngày... tháng... năm...”) kèm theo Giấy phép này và các Giấy phép xử lý CTNH cấp, cấp lại hoặc cấp điều chỉnh (nếu có) trước đó.

Phụ lục 6**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**
(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)**A. Mẫu Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH**

.....(1).....
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
(cấp/cấp lại)

Kính gửi:.....(2).....

1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:

1.1. Tên:

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Loại hình (ngành nghề) hoạt động[#]:

Điện thoại

Fax:

E-mail:

2. Dữ liệu về sản xuất:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

2.1. Danh sách nguyên liệu thô/hóa chất (dự kiến):

TT	Nguyên liệu thô/hóa chất	Số lượng trung bình (kg/năm)

2.2. Danh sách máy móc, thiết bị (dự kiến):

TT	Máy móc, thiết bị	Công suất

2.3. Danh sách sản phẩm (dự kiến):

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng trung bình (kg/năm)

3. Dữ liệu về chất thải:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

3.1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

3.2. Danh sách CTNH tồn lưu (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH	Thời điểm bắt đầu tồn lưu
		(rắn/lỏng/bùn)			
	Tổng khối lượng				

4. Danh sách CTNH đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có):

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án tự tái sử dụng/sơ chế/tái chế/xử lý/đồng xử lý/ thu hồi năng lượng	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(tương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

5. Hồ sơ kèm theo Đơn đăng ký

5.1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương

5.2. Hồ sơ, giấy tờ đối với trường hợp đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Bản sao báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản cam kết bảo vệ môi trường, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Đề án bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ về môi trường khác) kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận tương ứng;

- Bản sao văn bản chấp thuận phương án tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương;

- Văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM (trừ trường hợp tích hợp vào thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải);

- Bản mô tả chi tiết hệ thống, thiết bị hoặc phương án cho việc tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH kèm theo kết quả 03 (ba) lần lấy mẫu, phân tích đạt QCKTMT đối với các hệ thống, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường.

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Sở cấp (hoặc cấp lại) Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

.....(3).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên chủ nguồn thải CTNH;

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đăng ký chủ nguồn thải CTNH;

(3) Người có thẩm quyền ký của chủ nguồn thải CTNH;

Loại hình (ngành nghề) hoạt động được phân loại như sau: Chế biến thực phẩm; cơ khí; dầu khí; dược; điện; điện tử; hóa chất; khoáng sản; luyện kim; nông nghiệp; quản lý, xử lý nước, nước thải, chất thải; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu cơ bản (cao su, nhựa, thủy tinh...); sản xuất vật liệu xây dựng; xây dựng (bao gồm cả phá dỡ công trình); y tế và thú y; ngành khác.

B. Mẫu Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH

UBND TỈNH...
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH:.....

(Cấp lần...)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên:

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký (các) cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số /2015/TT-BTNMT ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. (Các trách nhiệm khác..., ví dụ các trách nhiệm đối với việc tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH...)

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH:..... cấp lần... ngày.../.../..... (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký)).

Người có thẩm quyền ký

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như phần I;

- ...;

- Lưu ...

...(1)...

...(2)...

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH.....
do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh... cấp lần... ngày... tháng... năm.....)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

(Trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có)

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án tái sử dụng/sơ chế/tái chế/xử lý/đồng xử lý/thu hồi năng lượng	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(trương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

Ghi chú: Trên đầu (header) các trang của Sổ đăng ký (trừ trang đầu) cần ghi:

(1) Mã số QLCTNH (ngày/tháng/năm cấp Sổ), ví dụ: 01.000001.T (01/3/2015) và đóng dấu treo của Sở Tài nguyên và Môi trường lên vị trí này

(2) Số trang/tổng số trang, ví dụ: Trang 01/10

Phụ lục 7**MÃ SỐ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. Mã số QLCTNH của chủ nguồn thải CTNH

Mã tỉnh. Số thứ tự cấp sổ đăng ký. T (hoặc Tx)

Chú thích:

- Mã tỉnh: Theo Bảng 1 Phụ lục này
- Số thứ tự cấp Sổ đăng ký (chủ nguồn thải): Có 6 chữ số từ 000001 đến 999999
- T: Ký hiệu chủ nguồn thải (hoặc Tx là ký hiệu chủ nguồn thải tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH)

Ví dụ: Một chủ nguồn thải CTNH ở An Giang, số thứ tự cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải là 25 thì có mã số QLCTNH là: 89.000025.T hoặc 89.000025.Tx

B. Mã số QLCTNH của chủ vận chuyển CTNH**B.1. Đối với chủ vận chuyển CTNH có địa bàn hoạt động trong một tỉnh**

Mã tỉnh. Số thứ tự cấp phép. V

Chú thích:

- Mã tỉnh: Theo Bảng 1 Phụ lục này
- Số thứ tự cấp phép: Có 3 chữ số từ 001 đến 999
- V: Ký hiệu chủ vận chuyển CTNH

Ví dụ: Một chủ vận chuyển CTNH có địa bàn hoạt động trong tỉnh An Giang, số thứ tự cấp phép là 25 thì có mã số QLCTNH là: 89.025.V

B.2. Đối với chủ vận chuyển CTNH có địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên

❖ Trong một vùng:

Mã vùng. Số thứ tự cấp phép. V

❖ Từ 2 vùng trở lên:

Mã vùng thứ nhất - Mã vùng thứ 2-...- Mã vùng thứ n. Số thứ tự cấp phép. V

Chú thích:

- Mã vùng: Theo Bảng 2 Phụ lục này
- Số thứ tự cấp phép: Có 3 chữ số từ 001 đến 999
- V: Ký hiệu chủ vận chuyển CTNH

Ví dụ:

- Một chủ vận chuyển CTNH có địa bàn hoạt động trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, số thứ tự cấp phép là 25 thì có mã số QLCTNH là: 8.025.V

- Một chủ vận chuyên CTNH có địa bàn hoạt động trong các vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, số thứ tự cấp phép là 25 thì có mã số QLCTNH là: 7-8.025.V

C. Mã số QLCTNH của chủ xử lý, tiêu hủy CTNH

C.1. Đối với chủ xử lý, tiêu hủy CTNH có địa bàn hoạt động trong một tỉnh Mã tỉnh. Số thứ tự cấp phép.X

Chú thích:

- Mã tỉnh: Theo Bảng 1 Phụ lục này
- Số thứ tự cấp phép: Có 3 chữ số từ 001 đến 999
- X: Ký hiệu chủ xử lý, tiêu hủy CTNH

Ví dụ: Một chủ xử lý, tiêu hủy CTNH có địa bàn hoạt động trong tỉnh An Giang, số thứ tự cấp phép là 25 thì có mã số QLCTNH là: 89.025.X.

C.2. Đối với chủ xử lý, tiêu hủy CTNH có địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên

❖ Trong một vùng:

Mã vùng. Số thứ tự cấp phép. X

❖ Từ 2 vùng trở lên:

Mã vùng thứ nhất - Mã vùng thứ 2-...- Mã vùng thứ n. Số thứ tự cấp phép. X

Chú thích:

- Mã vùng: Theo Bảng 2 Phụ lục này
- Số thứ tự cấp phép: Có 3 chữ số từ 001 đến 999
- X: Ký hiệu chủ xử lý, tiêu hủy CTNH

Ví dụ:

- Một chủ xử lý, tiêu hủy CTNH có địa bàn hoạt động trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, số thứ tự cấp phép là 25 thì có mã số QLCTNH là: 8.025.X

- Một chủ xử lý, tiêu hủy CTNH có địa bàn hoạt động trong các vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, số thứ tự cấp phép là 25 thì có mã số QLCTNH là: 7-8.025.X

D. Mã số QLCTNH của chủ hành nghề QLCTNH

D.1. Đối với chủ hành nghề QLCTNH có địa bàn hoạt động trong một tỉnh Mã tỉnh. Số thứ tự cấp phép.VX

Chú thích:

- Mã tỉnh: Theo Bảng 1 Phụ lục này
- Số thứ tự cấp phép: Có 3 chữ số từ 001 đến 999
- VX: Ký hiệu chủ hành nghề QLCTNH

Ví dụ: Một chủ hành nghề QLCTNH có địa bàn hoạt động trong tỉnh An Giang, số thứ tự cấp phép là 125, được cấp mã số QLCTNH là: 89.125.VX.

D.2. Đối với chủ hành nghề QLCTNH có địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên

❖ Trong một vùng

Mã vùng. Số thứ tự cấp phép.VX

❖ Từ 2 vùng trở lên:

Mã vùng thứ nhất - Mã vùng thứ 2-...- Mã vùng thứ n. Số thứ tự cấp phép.VX

Chú thích:

- Mã vùng: Theo Bảng 2 Phụ lục này
- Số thứ tự cấp phép: Có 3 chữ số từ 001 đến 999
- VX: Ký hiệu chủ hành nghề QLCTNH

Ví dụ:

- Một chủ hành nghề QLCTNH có địa bàn hoạt động trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, số thứ tự cấp phép là 125, được cấp mã số QLCTNH là: 8.125.VX

- Một chủ hành nghề QLCTNH có địa bàn hoạt động trong các vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, số thứ tự cấp phép là 125, được cấp mã số QLCTNH là: 7-8.125.VX

Đ. Mã số QLCTNH của chủ xử lý CTNH được cấp phép theo quy định tại Thông tư này

❖ Trong một vùng:

Mã vùng. Số thứ tự cấp phép.VX

❖ Từ 2 vùng trở lên:

Mã vùng thứ nhất - Mã vùng thứ 2-...- Mã vùng thứ n. Số thứ tự cấp phép.VX

Chú thích:

- Mã vùng: Theo Bảng 3 Phụ lục này
- Số thứ tự cấp phép: Có 3 chữ số từ 001 đến 999
- VX: Ký hiệu chủ xử lý CTNH

Ví dụ:

- Một chủ xử lý CTNH có địa bàn hoạt động trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, số thứ tự cấp phép là 125, được cấp mã số QLCTNH là: 6.125.VX

- Một chủ xử lý CTNH có địa bàn hoạt động trong các vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, số thứ tự cấp phép là 125, được cấp mã số QLCTNH là: 5-6.125.VX

Lưu ý:

• Khi cấp đổi Giấy phép hành nghề QLCTNH sang Giấy phép xử lý CTNH theo quy định tại Thông tư này thì số thứ tự cấp phép vẫn được giữ nguyên

• Số thứ tự của Giấy phép xử lý CTNH được cấp theo quy định tại Thông tư này được tính tiếp theo số thứ tự của Giấy phép hành nghề QLCTNH

Bảng 1: Mã tỉnh

(Căn cứ Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam)

Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã tỉnh	Tên tỉnh
01	Hà Nội	34	Thái Bình	67	Đắk Nông
02	Hà Giang	35	Hà Nam	68	Lâm Đồng
04	Cao Bằng	36	Nam Định	70	Bình Phước
06	Bắc Kạn	37	Ninh Bình	72	Tây Ninh
08	Tuyên Quang	38	Thanh Hóa	74	Bình Dương
10	Lào Cai	40	Nghệ An	75	Đồng Nai
11	Điện Biên	42	Hà Tĩnh	77	Bà Rịa - Vũng Tàu
12	Lai Châu	44	Quảng Bình	79	Thành phố Hồ Chí Minh
14	Sơn La	45	Quảng Trị	80	Long An
15	Yên Bái	46	Thừa Thiên Huế	82	Tiền Giang
17	Hòa Bình	48	Đà Nẵng	83	Bến Tre
19	Thái Nguyên	49	Quảng Nam	84	Trà Vinh
20	Lạng Sơn	51	Quảng Ngãi	86	Vĩnh Long
22	Quảng Ninh	52	Bình Định	87	Đồng Tháp
24	Bắc Giang	54	Phú Yên	89	An Giang
25	Phú Thọ	56	Khánh Hòa	91	Kiên Giang
26	Vĩnh Phúc	58	Ninh Thuận	92	Cần Thơ
27	Bắc Ninh	60	Bình Thuận	93	Hậu Giang
30	Hải Dương	62	Kon Tum	94	Sóc Trăng
31	Hải Phòng	64	Gia Lai	95	Bạc Liêu
33	Hưng Yên	66	Đắk Lắk	96	Cà Mau

Bảng 2: Mã vùng trong Giấy phép quản lý CTNH

(Đã ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại)

Mã vùng	Tên vùng	Các tỉnh trong vùng
1	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Ninh, Hà Nam, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Vĩnh Phúc
2	Đông Bắc	Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Lào Cai, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái
3	Tây Bắc	Điện Biên, Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La
4	Bắc Trung bộ	Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế
5	Duyên hải Nam Trung bộ	Bình Định, Bình Thuận, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi
6	Tây Nguyên	Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng
7	Đông Nam bộ	Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh
8	Đồng bằng sông Cửu Long	An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long

Bảng 3: Mã vùng trong Giấy phép xử lý CTNH

(Căn cứ theo Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội)

Mã vùng	Tên vùng	Các tỉnh trong vùng
1	Trung du và miền núi phía Bắc	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái
2	Đồng bằng sông Hồng	Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh
3	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận
4	Tây Nguyên	Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng
5	Đông Nam Bộ	Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu
6	Đồng bằng sông Cửu Long	Long An, Bến Tre, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau

Phụ lục 8
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, VĂN BẢN CHẤP THUẬN VẬN CHUYỂN XUYỀN
BIÊN GIỚI CHẤT THẢI NGUY HẠI

*(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. Đơn đăng ký vận chuyển xuyên biên giới CTNH

B. (Căn cứ Phụ lục V A của Công ước Basel)

Việc vận chuyển xuyên biên giới CTNH được thực hiện bằng việc đăng ký xuất khẩu CTNH. Đối với cùng một loại CTNH, việc đăng ký xuất khẩu có thể được thực hiện cho từng chuyến xuất khẩu đơn lẻ hoặc chung cho nhiều chuyến xuất khẩu trong một năm. Chủ nguồn thải CTNH hoặc nhà xuất khẩu đại diện cho các chủ nguồn thải phải phối hợp với các bên liên quan lập hồ sơ theo quy định tại Điều 22 Thông tư này với Đơn đăng ký gồm đầy đủ các thông tin sau:

1. Lý do xuất khẩu CTNH
2. (Các) chủ nguồn thải CTNH 1/
3. Nhà xuất khẩu đại diện cho chủ nguồn thải (nếu có) 1/
4. Đơn vị xử lý CTNH ở nước ngoài 1/
5. Nhà nhập khẩu CTNH (nếu khác với đơn vị xử lý) 1/
6. Đơn vị thực hiện việc vận chuyển trong nội địa (dự kiến) 1/
7. Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới (dự kiến) 1/
8. Quốc gia quá cảnh dự kiến
Cơ quan thẩm quyền Công ước Basel của quốc gia quá cảnh 2/
9. Quốc gia nhập khẩu
Cơ quan thẩm quyền Công ước Basel của quốc gia nhập khẩu 2/
10. Chỉ rõ đăng ký đơn lẻ cho từng chuyến hay đăng ký chung cho nhiều chuyến trong một năm
11. Dự kiến về ngày xuất cảnh, thời gian vận chuyển và hành trình dự kiến (bao gồm cả cửa khẩu nhập và cửa khẩu xuất) 3/
12. Phương tiện vận chuyển (đường bộ, đường sắt, đường nội thủy, đường biển, đường không...) và số hiệu (nếu đã xác định)
13. Những thông tin về bảo hiểm trong trường hợp sự cố 4/
14. Mô tả tính chất của từng loại CTNH, mã CTNH quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này và theo danh mục A của Công ước Basel, thành phần chất thải 5/ và những thông tin về mọi yêu cầu xử lý đặc biệt, bao gồm cả những quy định khẩn cấp trong trường hợp có sự cố

15. Loại bao bì (kiện, thùng phuy hoặc téc...) và phương án đóng gói, bảo quản
16. Khối lượng 6/
17. Quá trình phát sinh CTNH 7/
18. Phương pháp xử lý CTNH ở nước ngoài
19. Cam kết của chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện) xác nhận các thông tin là đúng
20. Những thông tin do đơn vị xử lý ở nước ngoài thông báo cho chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện), chứng minh rằng chất thải được bảo đảm quản lý hợp lý về môi trường phù hợp với luật pháp của Quốc gia nhập khẩu
21. Thông tin liên quan đến hợp đồng ký kết giữa chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện) và đơn vị xử lý ở nước ngoài hoặc nhà nhập khẩu

Ghi chú

1/ Tên, mã số QLCTNH (nếu có) địa chỉ, số điện thoại, fax, thư điện tử (nếu có) cũng như tên, địa chỉ, số điện thoại, fax, thư điện tử (nếu có) của những người cần liên hệ

2/ Tên và địa chỉ đầy đủ, số điện thoại, fax, thư điện tử (nếu có)

3/ Trong trường hợp có một đăng ký chung cho nhiều chuyến xuất khẩu trong một năm, thì phải ghi rõ ngày tháng của từng chuyến, hoặc nếu chưa biết ngày xuất cảng, thì cần thông báo tần suất vận chuyển

4/ Cung cấp thông tin liên quan đến các yêu cầu bảo hiểm tương ứng và cách các chủ nguồn thải, nhà xuất khẩu đại diện (nếu có), đơn vị vận chuyển, nhà nhập khẩu, và đơn vị xử lý có thể đáp ứng được yêu cầu này

5/ Tính chất và nồng độ của các thành phần nguy hiểm nhất về mặt độc tính và các mối đe dọa khác của CTNH trong cả khâu quản lý lẫn các khâu liên quan đến xử lý

6/ Trong trường hợp có một đăng ký chung cho nhiều chuyến xuất khẩu trong một năm, cần chỉ rõ dự kiến về tổng số lượng và số lượng của từng chuyến

7/ Thông tin này là cần thiết cho việc đánh giá mối nguy hiểm và xác định sự thích hợp của hoạt động xử lý được đề xuất.

B. Mẫu văn bản chấp thuận vận chuyển xuyên biên giới CTNH

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký xuất khẩu)

Theo...; căn cứ..., Tổng cục Môi trường với tư cách cơ quan thẩm quyền Công ước Basel tại Việt Nam chấp thuận việc xuất khẩu chất thải nguy hại (CTNH) với những thông tin và điều kiện cụ thể như sau:

1. Tên và mã CTNH:
2. Lý do xuất khẩu:
3. Chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện):
4. Đơn vị xử lý ở nước ngoài:
5. Đơn vị thực hiện việc vận chuyển trong nội địa:
6. Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới:
7. Quốc gia quá cảnh:
Cơ quan thẩm quyền Công ước Basel:
8. Quốc gia nhập khẩu:
Cơ quan thẩm quyền Công ước Basel:
9. Số lần xuất khẩu:
10. Thời gian được phép xuất khẩu (từ ngày... đến ngày...):
11. Dự kiến về ngày xuất cảnh, thời gian vận chuyển và hành trình dự kiến (cảng xuất khẩu, quá cảnh, nhập khẩu):
12. Phương tiện vận chuyển và số hiệu (nếu đã xác định):
13. Thông tin về bảo hiểm cho từng lô hàng (trong trường hợp sự cố):
14. Mô tả tính chất của từng loại CTNH:
15. Loại bao bì:
16. Khối lượng (kg):
17. Quá trình phát sinh CTNH:
18. Phương pháp xử lý ở nước ngoài:

Việc xuất khẩu CTNH nêu trên phải được thực hiện theo đúng các quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong đó có việc sử dụng Chứng từ CTNH theo Phụ lục 3 và việc lập hồ sơ vận chuyển cho từng chuyến xuất khẩu theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

Tổng cục Môi trường thông báo để (tên tổ chức, cá nhân đăng ký xuất khẩu) biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 9**ĐÀO TẠO, CẤP CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. Khung chương trình đào tạo quản lý chất thải nguy hại**1. Mục tiêu****1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình này cung cấp cho người học một số năng lực để có thể thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản về quản lý CTNH.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình, người học có khả năng:

- Có nhận thức đúng đắn về vai trò, quyền hạn, trách nhiệm của mình trong công tác quản lý CTNH.

- Trình bày và giải thích được những nội dung cơ bản quản lý chất thải nguy hại; tổ chức thực hiện các nghiệp vụ quản lý CTNH.

- Áp dụng được những kiến thức về quản lý CTNH để lập được kế hoạch và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ quản lý CTNH phù hợp với điều kiện thực tế trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

2. Nội dung khung chương trình đào tạo và thời lượng

2.1. Chương trình đào tạo nghiệp vụ quản lý CTNH bao gồm các chuyên đề chính sau:

TT	Tên chuyên đề	Thời lượng (tiết)		
		Tổng	Lý thuyết	Thảo luận, thực hành
1	Chuyên đề 1: Tổng quan hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về môi trường và quản lý CTNH	4	3	1
2	Chuyên đề 2: Danh mục, phân định, phân loại CTNH; Tình hình quản lý CTNH trên toàn quốc và các công nghệ xử lý CTNH đang áp dụng hiện nay	4	3	1
3	Chuyên đề 3: Yêu cầu kỹ thuật đối với việc hành nghề quản lý CTNH; An toàn lao động, bảo vệ sức khỏe và phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quản lý CTNH	4	3	1
4	Chuyên đề 4: Chứng từ, báo cáo quản lý CTNH	4	2	2
	TỔNG	16	11	5

2.2. Mô tả các chuyên đề

2.2.1. Chuyên đề 1: Tổng quan hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về môi trường và quản lý CTNH

Nội dung cơ bản của chuyên đề bao gồm:

- Các Điều ước quốc tế liên quan đến quản lý CTNH;
- Các quy định của hệ thống pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải nguy hại tại Việt Nam;
- + Các nội dung về quản lý CTNH trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014;
- + Các nội dung về quản lý CTNH trong Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- + Các quy định cụ thể của Thông tư này.
- Các quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý CTNH;
- Hướng dẫn áp dụng các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn liên quan đến quản lý CTNH.

2.2.2. Chuyên đề 2: Danh mục CTNH, phân định, phân loại CTNH. Tình hình quản lý CTNH trên toàn quốc và các công nghệ xử lý CTNH đang áp dụng hiện nay

Nội dung cơ bản của chuyên đề bao gồm:

- Danh mục CTNH, phân định, phân loại CTNH:
- + Danh mục CTNH;
- + Phân định CTNH;
- + Phân loại CTNH.
- Tình hình quản lý CTNH trên toàn quốc và các công nghệ xử lý CTNH đang áp dụng hiện nay:
- + Thực trạng công tác quản lý CTNH trên toàn quốc;
- + Các công nghệ xử lý CTNH hiện nay.

2.2.3. Chuyên đề 3: Yêu cầu kỹ thuật và quy trình vận hành các phương tiện, thiết bị, hệ thống xử lý CTNH và bảo vệ môi trường. An toàn lao động, bảo vệ sức khỏe và phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quản lý CTNH

Nội dung cơ bản của chuyên đề bao gồm:

- Yêu cầu kỹ thuật và quy trình vận hành các phương tiện, thiết bị, hệ thống xử lý CTNH và bảo vệ môi trường:
- + Yêu cầu kỹ thuật, quy trình vận hành an toàn đối với phương tiện thiết bị lưu chứa, lưu giữ CTNH và vận chuyển CTNH;
- + Yêu cầu kỹ thuật, quy trình vận hành an toàn đối với hệ thống, thiết bị xử lý CTNH;

+ Yêu cầu kỹ thuật, quy trình vận hành an toàn đối với công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;

+ Các vấn đề khác.

- An toàn lao động, bảo vệ sức khỏe và phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quản lý CTNH:

+ Các biện pháp an toàn lao động trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH;

+ Các biện pháp bảo vệ sức khỏe cán bộ, công nhân viên tham gia công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH;

+ Xác định các sự cố có thể xảy ra và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đặc biệt là phòng ngừa cháy, nổ.

2.2.4. Chuyên đề 4: Chứng từ, báo cáo quản lý CTNH.

Nội dung cơ bản của chuyên đề bao gồm:

- Hướng dẫn lập, sử dụng, lưu trữ chứng từ CTNH;

- Hướng dẫn lập và báo cáo quản lý CTNH;

- Giới thiệu về hệ thống thông tin quản lý tích hợp CTNH (E-manifest) do Tổng cục Môi trường xây dựng và hướng dẫn sử dụng các tính năng của hệ thống.

3. Đánh giá kết quả học tập và xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo

3.1. Kết thúc mỗi chuyên đề trong chương trình đào tạo này sẽ có một bài kiểm tra chuyên đề để đánh giá kết quả học tập. Nội dung, hình thức, thời gian kiểm tra do giảng viên cơ sở đào tạo chương trình này quyết định và phải được công bố trước khi thực hiện đào tạo chuyên đề.

3.2. Điểm kiểm tra kết thúc chuyên đề được chấm theo thang điểm hệ 10 (từ 0 đến 10), bài kiểm tra phải đạt từ 5 điểm trở lên mới đạt yêu cầu.

3.3. Người học tham dự ít nhất 80% thời gian lên lớp lý thuyết, thực hiện đầy đủ các bài thảo luận theo yêu cầu của chuyên đề, chấp hành đúng các quy định của cơ sở đào tạo thì được tham dự kiểm tra kết thúc chuyên đề.

3.4. Nếu người học có điểm chưa đạt yêu cầu hoặc không đủ điều kiện dự kiểm tra được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Mục này thì phải học lại chuyên đề đó. Việc học lại do giảng viên cơ sở đào tạo chương trình này quyết định.

3.5. Người học có điểm kiểm tra của tất cả các chuyên đề trong chương trình đào tạo đạt yêu cầu sẽ được xem xét cấp chứng chỉ quản lý CTNH.

B. Mẫu Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Quản lý chất thải nguy hại
Cấp cho

Họ và tên:

Ngày sinh:

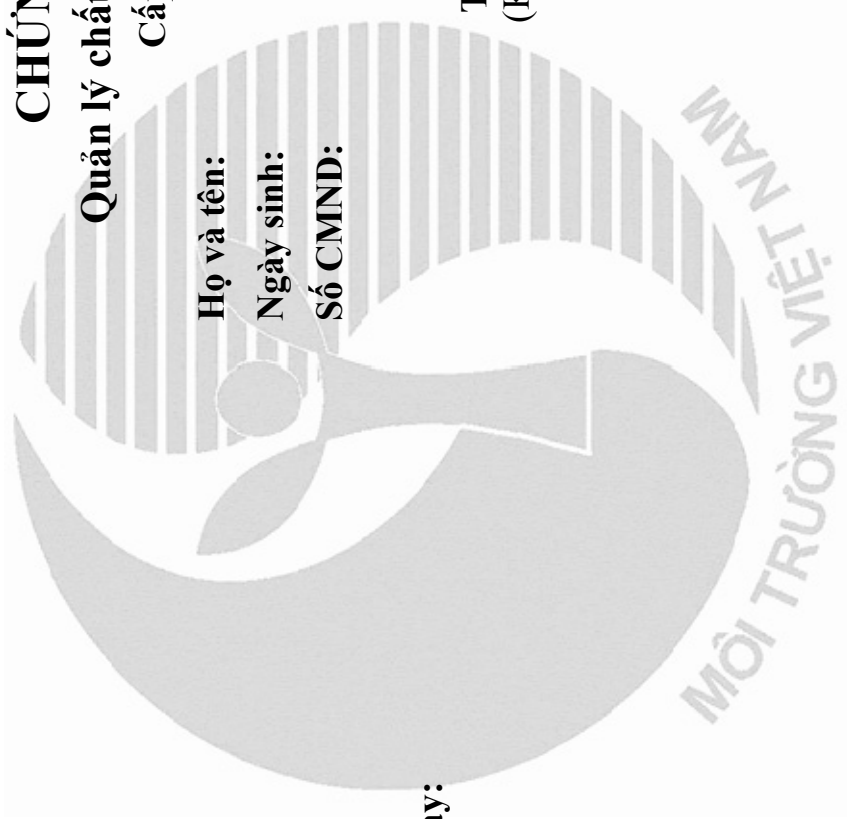
Số CMND:

Nơi cấp:

Số:

Có giá trị đến ngày:

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



C. Mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại

(TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Kính gửi: Tổng cục Môi trường

I. Thông tin chung

Tên cơ sở đào tạo:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo):

Số điện thoại liên lạc:

II. Kết quả đào tạo quản lý CTNH

1. Khóa đào tạo:

2. Thời gian đào tạo:

3. Tổng số học viên đào tạo:

Trong đó:

- Số học viên đạt kết quả đào tạo:

- Số học viên không đạt kết quả đào tạo:

Dựa vào kết quả đào tạo nêu trên, (tên cơ sở đào tạo) đề nghị Tổng cục Môi trường cấp Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại cho các học viên đạt kết quả đào tạo có tên tại Bảng tổng hợp kết quả đào tạo gửi kèm theo.

Lãnh đạo cơ sở đào tạo
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

D. Mẫu Bảng tổng hợp kết quả đào tạo quản lý chất thải nguy hại
(TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÀO TẠO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Khóa đào tạo:.....

Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm.....

TT	Họ tên học viên	Số CMND/ Nơi cấp	Sinh ngày	Đơn vị công tác	Điểm kiểm tra chuyên đề				Tổng số điểm	Kết quả đào tạo (Đạt/không đạt)
					Chuyên đề số 1	Chuyên đề số 2	Chuyên đề số 3	Chuyên đề số 4		
1										
2										
3										
4										
5										
...										

....., ngày... tháng... năm.....

Lãnh đạo cơ sở đào tạo
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Đ. Mẫu đơn đề nghị cấp mới Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ
CHẤT THẢI NGUY HẠI

Kính gửi: Tổng cục Môi trường

Họ và tên:

Sinh ngày:...../...../..... Giới tính:

Số CMND:..... ngày cấp:...../...../..... nơi cấp:

Địa chỉ:

Số điện thoại liên lạc:

Đơn vị công tác:

Tôi đã được cấp Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại với thông tin như sau:

Chứng chỉ số:..... ngày cấp:...../...../.....

Có giá trị đến:...../...../.....

Tôi đã hoạt động (thời gian) trong lĩnh vực quản lý, xử lý chất thải nguy hại tại (tổ chức nơi làm việc). Đến nay, Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại của tôi đã hết hạn.

Xin gửi kèm theo:

- 01 bản sao Chứng minh nhân dân (có chứng thực);
- 01 bản sao Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại đã được cấp (có chứng thực);
- Giấy xác nhận của tổ chức nơi làm.

Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây hoàn toàn đúng sự thật, đề nghị Tổng cục Môi trường cấp Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại mới cho tôi../.

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

E. Mẫu đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ
CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Kính gửi: Tổng cục Môi trường

Họ và tên:

Sinh ngày:...../...../..... Giới tính:.....

Số CMND:..... ngày cấp...../...../..... nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại liên lạc:

Đơn vị công tác:

Đề nghị Tổng cục Môi trường cấp lại Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại tôi đã được cấp với thông tin như sau:

Chứng chỉ số:..... ngày cấp:...../...../.....

Có giá trị đến:...../...../.....

Cơ sở đào tạo:

Khóa đào tạo:

Thời gian đào tạo: Từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

Lý do đề nghị cấp lại:

Xin gửi kèm theo:

- 01 bản sao Chứng minh nhân dân (có chứng thực);

Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây hoàn toàn đúng sự thật, đề nghị Tổng cục Môi trường cấp lại Chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại./.

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)